CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN
NĂM 2013

Hà Nội, tháng 6 năm 2013

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2013

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2013
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

PHẦN I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Điều 2. Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các cổ đông/đại diện cổ đông tham dự đại hội, điều kiện, thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3. Cổ đông/ đại diện cổ đông tham dự đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

PHẦN II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ KHI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông (đại diện cổ đông được uỷ quyền) khi tham gia dự Đại hội

1. Cổ đông phổ thông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền tham dự họp đại hội có quyền tham dự, thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề của đại hội.
2. Trường hợp cổ đông vì lý do riêng không đến dự Đại hội đồng cổ đông được, nếu có nhu cầu uỷ quyền thì có thể uỷ quyền bằng Giấy ủy quyền (theo mẫu quy định) cho một người khác thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội.
3. Tại đại hội, mỗi cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tới tham dự sẽ được nhận phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (ghi mã số cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết hoặc số phiếu bầu), số phiếu biểu quyết tương ứng với tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết. Việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS được quy định tại thể lệ bầu cử.
4. Cổ đông đến dự Đại hội sau khi cuộc họp khai mạc phải thực hiện các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay sau khi đăng ký, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
5. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Đoàn Chủ tịch Đại hội;

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban tổ chức Đại hội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội, Ban thư ký - Ban kiểm phiếu

1. Ban tổ chức Đại hội do HĐQT Công ty quyết định. Ban tổ chức Đại hội có trách nhiệm triệu tập, đón tiếp, bố trí chỗ ngồi, phát tài liệu, Thẻ biểu quyết cho những cổ đông/đại diện cổ đông được uỷ quyền có đủ tư cách tham dự Đại hội.

2. Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội do Ban tổ chức Đại hội chỉ định. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tiếp nhận giấy tờ những người đến tham dự Đại hội xuất trình, kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách các cổ đông. Trường hợp người đến dự họp không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội theo thông báo mời họp thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và tài liệu của Đại hội.

3. Ban kiểm phiếu do Đoàn chủ tịch đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.

4. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ xác định tỷ lệ số cổ phần biểu quyết đồng ý/không đồng ý/không có ý kiến đối với từng vấn đề thảo luận tại Đại hội. Ban kiểm phiếu thông báo thể lệ bầu cử thành viên HĐQT, BKS, hướng dẫn cách sử dụng phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử, tiến hành thu phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử sau khi đại hội biểu quyết, bầu cử; kiểm phiếu; báo cáo trước đại hội về kết quả kiểm phiếu.

5. Mọi công việc kiểm tra, lập Biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu, phải được Ban kiểm phiếu tiến hành một cách trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Chủ toạ và Thư ký Đại hội

1. Chủ toạ Đại hội là Chủ tịch HĐQT. Ban thư ký Đại hội do Đoàn chủ tịch đề cử và được Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Quyết định của Chủ toạ Đại hội về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ mang tính phán quyết cao.

3. Chủ toạ Đại hội tiến hành các công việc mà thấy là cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ, có trật tự và đảm bảo Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

4. Chủ toạ Đại hội có quyền trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác nếu nhận thấy rằng:

- Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp;
- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

5. Ban Thư ký Đại hội thực hiện các công việc trợ giúp theo phân công của chủ toạ, phản ánh trung thực, chính xác nội dung Đại hội trong Biên bản và Nghị quyết Đại hội.

PHẦN III : TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 7. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách được lập tại thời điểm triệu tập cuộc họp Đại hội.

Điều 8. Cách thức tiến hành Đại hội

Đại hội sẽ lần lượt được tiến hành theo nội dung chương trình của Đại hội và thảo luận biểu quyết thông qua các vấn đề. Những ý kiến của các cổ đông hoặc thông qua đại diện ủy quyền tại Đại hội sẽ được thảo luận công khai và biểu quyết dưới hình thức tích vào duy nhất một trong các ô (đồng ý/không đồng ý/không có ý kiến) trên phiếu biểu quyết cho từng vấn đề biểu quyết. Các vấn đề được thông qua khi tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết đạt ít nhất 65% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự/hoặc uỷ

quyền tham dự tại Đại hội chấp thuận. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS thực hiện theo thể lệ bầu cử thành viên HĐQT, BKS.

Điều 9. Nguyên tắc phát biểu tại Đại hội

1. Cổ đông muốn có ý kiến nào đó tại Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện theo nguyên tắc sau:
   - Chỉ được tham gia đóng góp ý kiến trong phần thảo luận của Đại hội.
   - Phải giơ tay xin ý kiến Chủ tọa và chỉ được phát biểu sau khi được Chủ tọa cho phép. Trong cùng một thời điểm chỉ có một cổ đông được quyền phát biểu.
   - Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuần tự từng cổ đông trình bày ý kiến của mình.
   - Chủ tọa có quyền cắt ngang phần trình bày ý kiến của các cổ đông nếu thấy cần thiết.
   - Các ý kiến đóng góp hoặc chất vấn sẽ được tập hợp và được giải đáp tuần tự sau.

2. Các đề xuất của cổ đông phải đảm bảo các điều kiện sau:
   - Ngắn gọn và rõ ràng.
   - Không trình bày lại những vấn đề đã được đề cập trước.

Điều 10. Nghị quyết và Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào biên bản của Đại hội. Biên bản và Nghị quyết của Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

PHẦN IV: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quy chế này gồm IV phần và 10 điều khoản, do Hội đồng Quản trị trình Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 28 tháng 06 năm 2013 và có hiệu lực ngay sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông biểu quyết thông qua./.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Trần Thanh Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số 37 /BHHK-HĐQT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2013*

TỜ TRÌNH
V/v: Thông qua kết quả kinh doanh năm 2012,
Báo cáo tài chính năm 2012 đã kiểm toán và Kế hoạch kinh doanh 2013

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Bảo hiểm Hàng không

- Căn cứ Điều lệ sửa đổi bổ sung của VNI đã được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01/08/2012
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- Căn cứ vào báo cáo số 04/BHHK-BKS ngày 05/06/2013 của Ban kiểm soát.
- Căn cứ vào Báo cáo số 751/BHHK-TGĐ ngày 13/06/2013 của Tổng giám đốc VNI.

Trên cơ sở Nghị quyết số 15/2012/NQ-HĐQT ngày 12/06/2013, Hội đồng quản trị VNI kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua: Kết quả thực hiện KHKD năm 2012, Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2012; Kế hoạch kinh doanh năm 2013.

(Báo cáo số 751/BHHK-TGĐ ngày 13/06/2013 của Tổng giám đốc VNI gửi kèm).

Trân trọng,

Nơi nhận :
- Các cổ đông
- TV HĐQT, BKS, TGĐ
- Lưu VT, TK HĐQT

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Trần Thanh Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 754 /BHHK-TGĐ	Hà nội, ngày 13 tháng 6 năm 2013

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2012 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013

Kính gửi: - Quý cổ đông và các Quý vị đại biểu
- Các quý vị Thành viên HĐQT và BKS VNI

I- ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2012

1/ Tổng quan về môi trường kinh doanh

Năm 2012, nền kinh tế xã hội Việt Nam gặp nhiều khó khăn thử thách ảnh hưởng trực tiếp đến từng ngành kinh tế trong nước. Mức tăng trưởng GDP cả năm chỉ đạt mức 5,03%, sụt giảm so với mức tăng trưởng 5,9% của năm 2011 và không đạt mức kế hoạch đặt ra là 6%-6,5%. Tăng trưởng tín dụng thấp, đầu tư công bị cắt giảm, chi tiêu công bị hạn chế; chi tiêu của cá nhân, hộ gia đình giảm, hoạt động kinh doanh giảm sút, hàng tồn kho tăng...đólà những yếu tố khách quan ảnh hưởng đến sự phát triển của toàn thị trường bảo hiểm nói chung và thị trường phi nhân thọ nói riêng.

2/ Tình hình thị trường bảo hiểm

Tổng doanh thu thị trường bảo hiểm phi nhân thọ năm 2012 ước đạt 22,7 ngàn tỷ đồng tăng trưởng xấp xỉ 10% so với năm 2011, thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng các năm trước (trên 20%). Có đến 8 trong số 29 công ty đang hoạt động trên thị trường Việt Nam có sự sụt giảm doanh thu so với năm 2011, hầu hết là các Công ty nhỏ, tăng trưởng nhanh nhưng thiếu chiến lược phát triển bền vững, thay đổi Lãnh đạo trong giai đoạn trước như Bảo Ngân (-30%), Viễn Đông (-24%), Phú Hưng (-20%), Bảo long (-19%), SVIC,...Nhóm các doanh nghiệp bảo hiểm quy mô lớn như: Bảo Việt; PTI; PVI vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng bằng hoặc cao hơn tốc độ tăng trưởng chung của thị trường. Tuy nhiên song hành với tăng trưởng doanh thu thì tỷ lệ chi phí bán hàng và chi phí bồi thường cũng tăng mạnh, ít nhiều ảnh hưởng đến lợi nhuận kỹ thuật của các Công ty này như PJICO, Bảo Minh...

Bồi thường gốc toàn thị trường là 8.556 tỷ, tăng nhẹ so với 2012 trong đó tỷ lệ bồi thường chung là 39%, giảm so với 2011 nhưng do chi bán hàng tăng nên lỗ thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm 2012 toàn thị trường ở mức 173 tỷ đồng. Trong số 29 đơn vị đang hoạt động kinh doanh trên thị trường thì có đến 18 doanh nghiệp bị lỗ hoạt động

kinh doanh bảo hiểm. Một số đơn vị điển hình như: AAA -110 tỷ; AIG -105 tỷ; VASS - 90 tỷ; Cathay -49 tỷ...

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2012 CỦA VNI

1/ Sơ bộ số liệu về kết quả kinh doanh 2012

Năm 2012, tổng doanh thu của VNI đạt 534,6 tỷ đồng, đạt 79,5% kế hoạch đề ra. Trong đó doanh thu phí bảo hiểm gốc 460,3 tỷ đồng đạt 78,3% kế hoạch; doanh thu hoạt động đầu tư đạt 74,2 tỷ đồng tương đương 87,7% kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế đạt 51,31 tỉ đồng tương đương 75,3% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt 38,04 tỉ đồng tương đương 74,1% kế hoạch.Cụ thể một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh như sau:

- **Doanh thu:**

Đvt: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2012	SO SÁNH TH/KH 2012
1	2	3	4	5=4:3
A	**Tổng doanh thu**	**672.565**	**534.663**	**79.5%**
I	**Doanh thu bảo hiểm**	**587.863**	**460.394**	**78.3%**
1	**Hàng không**	**225.612**	**227.746**	**100,9%**
2	**Bảo hiểm Phi hàng không**	**331.516**	**199.781**	**60,3%**
	Bảo hiểm tài sản	25.505	17.855	70,0%
	Bảo hiểm kỹ thuật	58.680	22.937	39,1%
	Bảo hiểm tàu thuyền	7.466	5.035	67,4%
	Bảo hiểm hàng hóa	30.440	16.021	52,6%
	Bảo hiểm xe cơ giới	128.500	73.908	57,5%
	Bảo hiểm con người	26.239	16.567	63,1%
	Bảo hiểm trách nhiệm	7.186	9.888	137,6%
	Bảo hiểm dầu khí, khác	47.500	37.570	79,1%
3	**Doanh thu nhận Tái bảo hiểm**	30.735	32.867	106,9%
II	**Doanh thu hoạt động đầu tư**	**84.702**	**74.269**	**87,7%**

- **Chi phí**

Đvt: triệu đồng

Stt	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2012	THỰC HIỆN NĂM 2012	SO SÁNH TH/KH 2012
1	2	3	4	5=4:3
	Chi hoa hồng bảo hiểm gốc và nhận tái BH	33.518	23.569	70,3%
	Chi phí bán hàng	39.925	27.349	68,5%
	Chi phí quản lý DN	76.445	68.481	89,6%
	Tổng Cộng	**149.888**	**119.399**	**79,7%**

➢ **Tình hình bổ sung các Quỹ dự phòng nghiệp vụ:**

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Đến 31/12/2011	KH trích quỹ năm 2012	Thực hiện		Lũy kế đến 31/12/2012
				Trích trong 2012	Tăng thêm so với KH	
1	Dự phòng phí	105.216	8.379	-40.426	-48.805	64.790
2	Dự phòng dao động lớn	22.533	7.392	3.999	-3.393	26.532
	Tổng cộng	**127.749**	**15.771**	**-36.427**	**-35.440**	**91.322**

➢ **Chi bồi thường thuộc trách nhiệm VNI:**

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	TH 2011	KH 2012	TH 2012	% TH/KH 2012	%TH 2012/2011
	2	3	4	5	6=5:4	7=5:3
	Bồi thường thuộc trách nhiệm VNI (bao gồm cả dự phòng bồi thường)	**139.650**	**91.125**	**76.059**	**83.5%**	**54,5%**

➢ **Các chỉ tiêu hoạt động đầu tư tài chính:**

Đvt: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	% TH/KH 2012
1	2	3	4	5=4:3
1	Doanh thu	84.702	74.269	87,7%
-	Tiền gửi	46.431	53.122	114,4%
-	Trái phiếu, cổ phiếu	33.271	20.916	62,9%
-	Thu khác	5.000	230	4,6%
2	Chi phí, trích dự phòng đầu tư	-19.407	-15.393	79%
3	**Lợi nhuận hoạt động đầu tư**	**65.294**	**58.875**	**90%**

➢ **Lợi nhuận:**

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2012	Thực hiện năm 2012	% TH/KH 2012
	2	4	5	6=5:4
1	**Lợi nhuận trước thuế**	**68.147**	**51.318**	**75,3%**
2	**Lợi nhuận sau thuế**	**51.360**	**38.040**	**74,1%**

➢ **Vốn chủ sở hữu:**

Đvt: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% 2012/2011
1	***Vốn chủ sở hữu:***	***512.190***	***541.289***	***105%***
-	Nguồn vốn kinh doanh	500.000	500.000	100%
-	Chênh lệch tỉ giá	64		
-	Quỹ dự trữ bắt buộc	4.930	6.832	138%
-	Lợi nhuận chưa phân phối	7.196	34.457	478%

➢ ***Chỉ tiêu lao động, tiền lương:***

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2011	Năm 2012	% 2012/2011
1	Tổng số lao động bình quân	Người	375	281	74%
2	Tổng lương	Triệu đồng	32.933	26.922	81%
3	Lương bình quân tháng	Triệu đồng	8,3	7,9	95%

Đánh giá chung:

➢ ***Bảo hiểm gốc***

- Tổng doanh thu đạt mức 460,3 tỷ đồng, trong đó doanh thu nghiệp vụ bảo hiểm hàng không đạt 227,7 tỷ đồng, tăng 2,1 tỷ đồng so với kế hoạch; doanh thu nhận tái bảo hiểm đạt 32,8 tỷ đồng, tăng 6,9% so với kế hoạch 2012. Nghiệp vụ bảo hiểm phi hàng không chỉ đạt 199,7 tỷ đồng đạt 60,3% kế hoạch đề ra.
- Ngoài nghiệp vụ bảo hiểm trách nhiệm tăng trưởng 37,6%, các nghiệp vụ bảo hiểm phi hàng không khác đều không tăng trưởng. Nhiều nghiệp vụ chỉ đạt dưới mức 60% kế hoạch đề ra như: bảo hiểm xe cơ giới (57,5%); bảo hiểm hàng hóa (52,6%); bảo hiểm kỹ thuật (39,1%).
- Các chi nhánh hầu hết đều không đạt kế hoạch. Cá biệt có một số đơn vị đạt dưới mức 50% kế hoạch như: Hải Dương 34%; Nam Hồng Hà 49%; VPKV 30 45%...
- Lợi nhuận HĐKD bảo hiểm của toàn công ty âm 7,71 tỷ đồng so với kế hoạch 2012 là lãi 2,85 tỷ đồng. Nguyên nhân chính là do:
  - ✓ Doanh thu bảo hiểm gốc giảm 127,46 tỷ đồng (giảm 21,7% so với kế hoạch). Doanh thu bảo hiểm gốc giảm lớn cho nên ngay cả sau khi được hoàn nhập đến 40,4 tỷ đồng dự phòng phí, doanh thu thuần vẫn giảm 57,9 tỷ đồng.
  - ✓ Các khoản chi phí cũng giảm không cùng tốc độ với tốc độ giảm của doanh thu. Tổng chi phí chỉ giảm được 50,25 tỷ, trong đó: chi trực tiếp HĐKD bảo

hiểm giảm 26,8 tỷ, giảm 29% so với kế hoạch; Chi bán hàng giảm 12,57 tỷ, giảm 31,5% so với kế hoạch; Chi quản lý giảm 7,96 tỷ, giảm 10,4% so với kế hoạch.

➢ ***Hoạt động đầu tư:***

- Thu hoạt động tài chính là 74,26 tỷ đồng, hoàn thành 87,7% kế hoạch. Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán chỉ đạt 63% kế hoạch tương đương mức 20,9 tỷ đồng, trong đó doanh thu từ hoạt động đầu tư cổ phiếu chỉ đạt 56% kế hoạch. Doanh thu từ hoạt động đầu tư tiền gửi vượt kế hoạch 14,4% đạt mức 53,1 tỷ đồng.
- Lợi nhuận HĐ Tài chính đạt 58,87 tỷ đồng, tương đương 90,2% kế hoạch (giảm 6,41 tỷ đồng)

➢ ***Tổng lợi nhuận toàn công ty:***

- Lợi nhuận trước thuế đạt 51,31 tỉ đồng tương đương 75,3% kế hoạch;
- Lợi nhuận sau thuế đạt 38,04 tỉ đồng tương đương 74,1% kế hoạch.

2/ Đánh giá kết quả đã đạt được; các mặt còn hạn chế, tồn tại trong hoạt động kinh doanh 2012

2.1 Kết quả đã đạt được

➢ ***Công tác tổ chức, nhân sự***

- Kiện toàn bộ máy Ban điều hành và bộ máy lãnh đạo phòng/ ban tại trụ sở chính như TGĐ; phó TGĐ; Trưởng ban bồi thường, Trưởng ban Tái bảo hiểm.
- Thực hiện tìm kiếm và bổ sung các nhân sự có năng lực cho hệ thống Chi nhánh/ VPKV như: GĐ chi nhánh HCM, GĐ chi nhánh HN.
- Bước đầu sắp xếp lại hệ thống VPKV, sáp nhập các đơn vị kinh doanh có doanh thu thấp, hoạt động yếu kém không hiệu quả như: Sáp nhập VP2, tổ trù bị Đông bắc vào chi nhánh HN; sáp nhập VP4 vào CN Nghệ An; nhằm tạo tiền đề để tiến hành tái cơ cấu hệ thống tại các thị trường trọng điểm, tiềm năng cao trong thời gian tới với phương châm và đề cao năng suất khai thác và hiệu quả kinh doanh tại từng đơn vị.
- Xây dựng mô hình tái cơ cấu hệ thống phòng/ ban tại trụ sở chính theo hướng hướng đến phục vụ tốt hơn nhóm khách hàng. Đồng thời hình thành các đơn vị kinh doanh (TTKD HO) ngay tại trụ sở chính nhằm xây dựng đầu mối kinh doanh và phục vụ nhóm khách hàng chiến lược, khách hàng nước ngoài và Môi giới bảo hiểm, khai thác qua Ngân hàng.
- Bước đầu xây dựng chiến lược dài hạn/ mô hình chiến lược của công ty tạo định hướng để phát triển vững chắc và sử dụng có hiệu quả nguồn lực của công ty.

➢ ***Tài chính kế toán***

- Thực hiện phương thức thấu chi nhằm kiểm soát và tiến tới loại bỏ hoàn toàn tình trạng vượt chi tại các chi nhánh/ VPKV.

- Cải tiến trong công tác quản lý ấn chỉ, tăng cường giám sát sử dụng ấn chỉ tại hệ thống chi nhánh, VPKV.
- Sử dụng tốt đồng vốn trong hoạt động đầu tư: Tỷ suất sinh lời trên doanh thu đầu tư trên vốn sử dụng đạt mức 15%/ năm, tương đối tốt trong tình trạng thị trường tài chính có nhiều khó khăn trong năm 2012.

➢ ***Hoạt động kinh doanh, bồi thường***

- Thực hiện điều hành kinh doanh hàng ngày trên cơ sở xây dựng mục tiêu kinh doanh / cá nhân/ tháng giám sát số liệu doanh thu của cán bộ khai thác bán lẻ, bảo hiểm cá nhân, nhiều Chi nhánh chuyển hướng cho cán bộ xây dựng và củng cố lại mạng lưới phân phối bán lẻ bị trong giai đoạn trước
- Cơ cấu lại tỷ trọng các nghiệp vụ, giảm dần các nhóm đối tượng, khách hàng rủi ro cao như taxi, đầu kéo, sản phẩm VNI- care.. để nâng cao chất lượng khai thác, hướng đến đem lại hiệu quả kinh doanh bảo hiểm từ trong các năm tiếp theo.
- Thiết lập hệ thống GĐBT và phân công đầu mối phụ trách tại mỗi đơn vị trên toàn hệ thống. Củng cố nhân sự GĐBT tại CN HCM; VP6
- Tăng cường giám định hiện trường; phát hiện và xử lý một số vụ trục lợi như ở CN NA; CN NHH; VPKV 6; CN HCM
- Thực hiện thành công chương trình tái bảo hiểm năm 2013

➢ ***Quy trình, quy chế***

- Ban hành 1 loạt các quy trình, quy chế hỗ trợ hoạt động quản lý, điều hành công ty. Cụ thể: cấp HĐQT ban hàng 2 văn bản; cấp TGĐ ban hành 16 văn bản để hỗ trợ hoạt động quản lý công ty.

2.2 Các vấn đề còn hạn chế, tồn tại

- Công ty chưa có chiến lược kinh doanh dài hạn, thiếu năng lực phân tích hiệu quả nghiệp vụ và danh mục rủi ro nên chưa hình thành được hệ thống chính sách kinh doanh ổn định . Chất lượng và tiến độ xây dựng, phê duyệt kế hoạch kinh doanh 2012 còn hạn chế gây ảnh hưởng đến tâm lý và hoạt động kinh doanh tại các đơn vị, thậm chí phá vỡ mạng lưới cán bộ khai thác và đại lý tại nhiều chi nhánh do chuyển đổi đột ngột chính sách khai thác.
- Biến động về đội ngũ lãnh đạo cấp cao như thay đổi TGĐ, PTGĐ, KTT, và lãnh đạo tại một số chi nhánh và trụ sở chính (Giám đốc chi nhánh HCM; giám đốc CN HN, Trưởng ban hành chính nhân sự; trưởng ban bồi thường....) và việc khuyết vị trí TGĐ trong một thời gian dài (7 tháng) ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của công ty. Bên cạnh đó, vẫn tồn tại một số lãnh đạo cấp trung, lãnh đạo chi nhánh chưa có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu quản lý, thúc đẩy hoạt động kinh doanh và quản trị bồi thường hiệu quả.

- Nhân sự tại hệ thống chi nhánh và tại trụ sở chính biến động liên tục gián tiếp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh khai thác toàn công ty. Tổng số lao động tăng từ 361 người trong năm 2010 lên 375 người năm 2011 và giảm xuống 281 người trong năm 2012.Chất lượng của đội ngũ lao động chưa cao, năng suất lao động

của đội ngũ cán bộ khai thác thấp (Năm 2012 năng suất lao động bình quân cán bộ khai thác chỉ đạt 612trđ/người/năm).

- Hệ thống Quy chế, quy định quản lý chưa đồng bộ. Một số quy trình, quy chế không được cập nhật phù hợp với tình hình thực tế kinh doanh của công ty như: quy chế tài chính (quản lý ấn chỉ, quản lý tài sản bằng tiền và tạm ứng công nợ cho cán bộ công nhân viên), quy chế tiền lương... Việc thiếu nhiều quy định quản lý, dẫn đến sự phối hợp, hợp tác ngang và dọc trong hệ thống chưa rõ ràng, quy định chế tài chưa rõ ràng và không được thực thi nghiêm túc nên khó quy trách nhiệm dẫn đến nhiều tồn đọng khó giải quyết khi nhân sự sai phạm hoặc nghỉ việc.

- Lực lượng cán bộ giám định và quản lý công tác bồi thường mỏng, chưa quản lý được chất lượng giám định bồi thường đến từng khách hàng và thiếu các biện pháp kiểm tra, ngăn ngừa trục lợi – việc thẩm tra thực hiện, đánh giá chất lượng các quy trình từ tiếp nhận tai nạn, giám định hiện trường, quản lý giá và chất lượng đơn vị sửa chữa, thanh toán bồi thường chưa được thực hiện nên không có sự đồng nhất trong chất lượng phục vụ.

- Kênh bán hàng của VNI hiện chưa đa dạng, chỉ tập chung chủ yếu là bán trực tiếp qua mạng lưới Chi nhánh. Các kênh khai thác trung gian khác như Môi giới bảo hiểm, Ngân hàng, đại lý tổ chức khác chưa được chú trọng và chưa có đầu mối và cơ chế phối hợp hiệu quả.

- Hệ thống công nghệ thông tin có nhiều hạn chế, phần mềm ESS chưa hỗ trợ được công tác điều hành quản lý kinh doanh, nghiệp vụ và tái bảo hiểm cũng như hệ thống kế toán, phân tích tài chính toàn Công ty. Số liệu trên hệ thống chưa đủ độ tin cậy do nhiều đầu mối nhập liệu, tính tuân thủ hệ thống thấp.

II/ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2013

1/ Bối cảnh thị trường

- Nền kinh tế Việt Nam trong năm 2013 được dự kiến vẫn tiếp tục khó khăn. Tốc độ tăng trưởng GDP dự kiến chỉ ở mức 5,5%.Các doanh nghiệp kinh doanh gặp nhiều khó khăn về vốn và đầu ra, nhu cầu tiêu dùng trong nước vẫn ở mức thấp. Nền kinh tế được dự báo chưa thể khởi sắc trong năm 2013 (Theo Báo đầu tư chứng khoán).

- Thị trường bảo hiểm được nhận định sẽ tiếp tục khó khăn, đặc biệt với các Công ty bảo hiểm nhỏ. Tốc độ tăng trưởng doanh thu của ngành bảo hiểm phi nhân thọ trong năm 2013 chỉ dao động quanh mức 10% (theo Báo Đầu tư chứng khoán). Hoạt động cạnh tranh vẫn tiếp tục diễn ra càng gay gắt, phổ biến ở việc giảm giá phi kỹ thuật, tăng chi phí khai thác trong điều kiện tỷ lệ bồi thường gia tăng từ nguy cơ thiên tai và trục lợi do điều kiện kinh tế suy giảm.

- Quá trình giành giật khách hàng tốt, nhân sự khai thác giỏi giữa các đơn vị kinh doanh sẽ ngày càng khốc liệt.

2/ Mục tiêu và kinh doanh

- Năm 2013, Công ty xác định mục tiêu "hiệu quả và tăng trưởng bền vững" trên cơ sở thực hiện bám sát điều hành kinh doanh thường xuyên, tăng cường kiểm soát tỷ lệ bồi thường và chi phí –là thước đo để đánh giá năng lực quản trị của Giám đốc Chi nhánh.

- Tiếp tục thực hiện chương trình tái cơ cấu Công ty, ổn định nhân sự Lãnh đạo tại các Ban tại trụ sở chính và Lãnh đạo các địa bàn chiến lược; Phát triển mở rộng các kênh bán hàng trung gian : môi giới, đại lý tổ chức thông qua đẩy mạnh hoạt động của Trung tâm Kinh doanh tại Trụ sở chính.

3/Một số chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh 2013

Trên cơ sở phân tích môi trường vĩ mô và mục tiêu kinh doanh, Ban Điều hành xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2013, cụ thể các chỉ tiêu chính như sau:

- **Tổng Doanh thu: 565,1 tỷ đồng** *(tăng trưởng 5,7% so với thực hiện 2012. Trong đó doanh thu bảo hiểm: 501,2 tỷ đồng, tăng trưởng 8.9%; Doanh thu hoạt động tài chính: 63,8 tỷ đồng).*
- **Trích dự phòng phí: Lũy kế 81,68 tỷ (tăng 16,89 tỷ đồng so với thực hiện 2012).**
- **Chi bồi thường trách nhiệm VNI: 57,8 tỷ đồng**
- **Chi phí bán hàng: 33,4 tỷ đồng**
- **Chi phí quản lý: 63,6 tỷ đồng**
- **Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bảo hiểm: âm 10,1 tỷ đồng**
- **Lợi nhuận sau thuế: 23,2 tỷ đồng**

STT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN 2012	KẾ HOẠCH NĂM 2013	% KH 2013/TH 2012
1	**Doanh thu bảo hiểm**	**460.394**	**501.266**	**108,9%**
A	Hàng không	**227.746**	**211.475**	**92,9%**
B	Bảo hiểm Phi hàng không	**199.781**	**254.791**	**127,5%**
-	Bảo hiểm tài sản	17.855	26.588	148,9%
-	Bảo hiểm kỹ thuật	22.937	31.467	137,2%
-	Bảo hiểm tàu thuyền	5.035	5.802	115,2%
-	Bảo hiểm hàng hóa	16.021	25.658	160,1%
-	Bảo hiểm xe cơ giới	73.908	77.904	105,4%
-	Bảo hiểm con người	16.567	19.545	118,0%
-	Bảo hiểm trách nhiệm	9.888	13.127	132,8%
-	Bảo hiểm dầu khí, khác	37.570	54.700	145,6%
C	Doanh thu nhận Tái bảo hiểm	32.867	35.000	106,5%
2	**Doanh thu hoạt động tài chính**	**74.269**	**63.880**	**86,0%**
3	**Tổng doanh thu**	**534.663**	**565.146**	**105,7%**

4/ Giải pháp

Để hoàn thành được mục tiêu kinh doanh trên, Công ty đề ra các nhóm giải pháp sau :

➢ ***Tổ chức, nhân sự& quy trình, quy chế***

- Kiện toàn lại cơ cấu tổ chức, mạng lưới hoạt động của Công ty. Tăng cường nhân sự lãnh đạo có chất lượng. Mở rộng mạng lưới bán hàng tại địa bàn trọng điểm như Sài gòn, Hà Nội. Phát triển nhanh doanh thu tương xứng với tiềm năng to lớn của thị trường. Nghiên cứu và áp dụng quy chế trả lương theo năng lực, Công ty hỗ trợ lương trách nhiệm cho các vị trí chủ chốt chi nhánh và gắn kết quyền lợi và trách nhiệm quản trị chi nhánh.
- Thực hiện sáp nhập hệ thống VPKV có tiềm năng bảo hiểm thấp, tăng cường quy mô nhân sự, năng lực khai thác cho hệ thống các chi nhánh, đặc biệt là các chi nhánh nằm ở các thành phố lớn như: HN; HCM; HP; ĐN. Sắp xếp, điều chuyển nhân sự tăng tỷ trọng của đội ngũ nhân sự kinh doanh. Rà soát cắt giảm nhân sự tại các vị trí không hiệu quả, đặc biệt tại các bộ phận gián tiếp
- Sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định phục vụ hoạt động kinh doanh, bồi thường và tài chính như: quy chế trách nhiệm người đứng đầu, quy chế tài chính, quy chế tiền lương, quy chế bồi thường; quy chế thanh lý tài sản sau bồi thường…

➢ ***Kinh doanh, bồi thường, Tài chính kế toán***

- Xây dựng chi tiết kế hoạch kinh doanh và tính toán lỗ lãi theo từng nghiệp vụ bảo hiểm – đẩy mạnh nhóm nghiệp vụ có hiệu quả tốt như tài sản kỹ thuật, con người; duy trì tăng trưởng các nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới tương đương mức tăng trưởng thị trường.
- Rà soát đánh giá lại hệ thống đại lý hiện tại, đồng thời chuẩn bị điều kiện cần thiết để phát triển hệ thống đại lý chuyên nghiệp, quy mô lớn tại địa bàn trọng điểm. Tiếp tục mở rộng, đa dang hóa các kênh khai thác.
- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thiết thực, hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, tiết giảm các khoản chi phí hội nghị hội thảo, chi phí tiếp khách….
- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát hệ thống và đặc biệt là kiểm soát chặt chẽ bồi thường. Từng bước tập trung hóa một số quy trình trong công tác bồi thường, kiểm soát giá để giảm thiểu tỷ lệ bồi thường, hạn chế trục lợi.
- Đầu tư hệ thống phần mềm quản trị bảo hiểm phục vụ công tác phát hành hợp đồng, quản lý ấn chỉ, phân tích nghiệp vụ, tái bảo hiểm, hiệu quả đơn vị phục vụ hoạt động tài chính minh bạch và tin cậy.
- Đối với hoạt động đầu tư, trước xu hướng lãi suất tiền gửi giảm – Công ty sẽ nghiên cứu rà soát lại danh mục đầu tư tại từng kênh trái phiếu, cổ phiếu và xây dựng chiến lược đầu tư giai đoạn 2013-2017. Năm 2013, Công ty xem xét tăng cơ cấu dòng tiền vào kênh đầu tư an toàn (trái phiếu Chính phủ), các cổ phiếu doanh

nghiệp hiệu quả và có khả năng thanh khoản cao – đồng thời nghiên cứu định hướng mua sàn văn phòng làm Trụ sở tại Hà Nội, Sài gòn trong điều kiện giá văn phòng thấp để hình thành đa dạng hóa tài sản cũng như giảm bớt chi phí thuê văn phòng trong chi phí hoạt động.

Trước bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn, môi trường kinh doanh chưa thuận lợi, mục tiêu kế hoạch 2013 đề ra là một thách thức rất lớn đối với BĐH và toàn thể CBNV VNI nhất là trong giai đoạn công ty đang kiện toàn lại cơ cấu tổ chức, mạng lưới, phải trích lập dự phòng đầu tư tài chính giai đoạn trước.

Kính thưa các Quý Cổ đông, các quý vị đại biểu, tôi đã trình bày những điểm chính của hoạt động kinh doanh năm 2012, những định hướng và giải pháp cơ bản của Công ty trong năm 2013. Tôi rất mong những ý kiến đóng góp quý báu của Quý vị để xây dựng VNI trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu và uy tín với Khách hàng, đem lại hiệu quả đầu tư bền vững cho Cổ đông.

Xin chân thành cám ơn. Chúc Đại hội Cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không thành công tốt đẹp.

Nơi nhận:
- HĐQT, BKS (để b/c)
- Ban ĐH
- Lưu VT, TK HĐQT

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Nguyễn Anh Đức

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	Số 49/GP/KDBH	ngày 23 tháng 4 năm 2008
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Bộ Tài chính cấp, đã được điều chỉnh các lần sau:	
	Số 49/GPDC/KDBH	ngày 11 tháng 8 năm 2008
	Số 49/GPDC/KDBH	ngày 11 tháng 11 năm 2008
	Số 49/GPDC/KDBH	ngày 30 tháng 6 năm 2010
	Số 49/GPDC/KDBH	ngày 07 tháng 8 năm 2010
	Số 49/GPDC/KDBH	ngày 01 tháng 11 năm 2011
Hội đồng Quản trị	Ông Trần Thanh Hiền	Chủ tịch
	Ông Trần Văn Hồi	Ủy viên
	Ông Đào Mạnh Kháng	Ủy viên
	Bà Sử Bùi Bảo Ngọc	Ủy viên
	Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Ủy viên *(từ ngày 1 tháng 8 năm 2012)*
	Bà Nguyễn Thị Kim Thoa	Ủy viên *(đến ngày 1 tháng 8 năm 2012)*
	Ông Nguyễn Văn Thịnh	Ủy viên
	Ông Phạm Việt Minh	Ủy viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Anh Đức	Tổng Giám đốc *(từ ngày 19 tháng 9 năm 2012)*
	Ông Đỗ Văn Hải	Tổng Giám đốc *(đến ngày 15 tháng 3 năm 2012)*
	Ông Vũ Tuấn Phan	Quyền Tổng Giám đốc *(phụ trách điều hành từ ngày 15 tháng 3 năm 2012 đến ngày 19 tháng 9 năm 2012)*
	Ông Tạ Chiến	Phó Tổng Giám đốc *(đến ngày 15 tháng 9 năm 2012)*
	Ông Trần Trọng Dũng	Phó Tổng Giám đốc *(từ ngày 5 tháng 11 năm 2012)*
Kế toán trưởng	Ông Trần Việt Quân	Kế toán trưởng *(từ ngày 6 tháng 2 năm 2013)*
	Ông Phạm Tuấn Thắng	Kế toán trưởng *(đến ngày 6 tháng 2 năm 2013)*
Trụ sở đăng ký	Tầng 15, tòa nhà Geleximco Số 36 Hoàng Cầu, Quận Đống Đa Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

S.G.P: 49 - C.T.C. CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Anh Đức
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 6 tháng 6 năm 2013

KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 6 tháng 6 năm 2013. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy Chứng nhận đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 12-02-303

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KPMG

Trần Đình Vinh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hiếu
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.1572/KTV

Hà Nội, ngày 6 tháng 6 năm 2013

KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không
Bảng cân đối kế toán tại
ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B01 – DNBH
(Ban hành theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
A – TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	**100**		**867.242.663.695**	**864.854.721.142**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**164.004.511.492**	**79.219.176.744**
1. Tiền mặt tại quỹ	111		792.088.273	1.936.080.070
2. Tiền gửi ngân hàng	112		6.637.943.219	13.120.056.674
3. Các khoản tương đương tiền	114	3	156.574.480.000	64.163.040.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	4	**313.499.778.202**	**466.790.770.872**
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		61.727.979.611	68.851.474.208
2. Đầu tư ngắn hạn khác	128		261.981.120.000	407.840.996.771
3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	129		(10.209.321.409)	(9.901.700.107)
III. Các khoản phải thu	**130**		**383.940.487.180**	**311.827.930.321**
1. Phải thu của khách hàng	131	5	410.942.868.153	320.061.045.156
2. Trả trước cho người bán	132	6	3.617.753.932	5.236.103.003
3. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133		63.316.489	334.377.141
5. Các khoản phải thu khác	138	7	7.792.379.346	7.549.407.411
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	8	(38.475.830.740)	(21.353.002.390)
V. Tài sản lưu động khác	**150**		**5.797.886.821**	**7.016.843.205**
1. Tạm ứng	151	9	4.298.390.255	4.906.282.578
2. Chi phí trả trước	152		887.749.071	319.803.205
4. Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	154		611.747.495	602.473.075
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa		17	-	1.188.284.347
B – TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	**200**		**125.685.956.684**	**98.642.392.542**
I. Tài sản cố định	**210**		**8.686.956.774**	**11.207.999.855**
1. Tài sản cố định hữu hình	211	10	8.431.970.392	10.888.804.941
- Nguyên giá	*212*		*17.349.899.177*	*16.681.868.691*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*213*		*(8.917.928.785)*	*(5.793.063.750)*
3. Tài sản cố định vô hình	217	11	254.986.382	319.194.914
- Nguyên giá	*218*		*1.200.100.000*	*1.024.750.000*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*219*		*(945.113.618)*	*(705.555.086)*
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**220**		**107.990.000.000**	**77.990.000.000**
1. Đầu tư chứng khoán dài hạn	221	12	106.000.000.000	76.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	228	13	1.990.000.000	1.990.000.000
II. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	**240**		**9.008.999.910**	**9.444.392.687**
1. Ký quỹ bảo hiểm	241	14	6.000.000.000	6.000.000.000
2. Chi phí trả trước dài hạn			1.048.423.147	1.005.031.900
3. Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác	242		1.960.576.763	2.439.360.787
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**250**		**992.928.620.379**	**963.497.113.684**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không
Bảng cân đối kế toán tại
ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B01 – DNBH
(Ban hành theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
A – NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**451.639.207.974**	**451.306.649.903**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**238.369.297.682**	**208.001.440.069**
3. Phải trả cho người bán	313	15	213.221.845.617	184.517.417.714
4. Người mua trả tiền trước	314	16	521.899.274	3.422.452.363
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	315	17	14.497.810.703	10.562.763.231
6. Phải trả công nhân viên	316		4.607.062.342	4.223.374.218
8. Các khoản phải trả khác	318	18	5.520.679.746	5.275.432.543
III. Dự phòng nghiệp vụ	**330**	**19**	**207.234.539.870**	**235.922.619.437**
1. Dự phòng phí	331		64.790.003.042	105.216.324.138
3. Dự phòng bồi thường	333		115.912.022.577	108.173.777.235
- Thuộc trách nhiệm của các công ty nhận tái bảo hiểm			*79.379.369.369*	*56.483.188.817*
- Thuộc trách nhiệm giữ lại của Công ty			*36.532.653.208*	*51.690.588.418*
4. Dự phòng dao động lớn	334		26.532.514.251	22.532.518.064
IV. Nợ khác			**6.035.370.422**	**7.382.590.397**
1. Doanh thu chưa thực hiện	348	20	6.035.370.422	7.382.590.397
B – NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**541.289.412.405**	**512.190.463.781**
I. Nguồn vốn, quỹ	**410**	**21**	**541.289.412.405**	**512.190.463.781**
1. Nguồn vốn kinh doanh	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá	413			64.200.739
6. Quỹ dự trữ bắt buộc	416		6.832.256.420	4.930.250.814
8. Lợi nhuận chưa phân phối	418		34.457.155.985	7.196.012.228
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**430**		**992.928.620.379**	**963.497.113.684**

Người lập:

Trần Việt Quân
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Nguyễn Anh Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B02a – DNBH
(Ban hành theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01	22	447.575.426.320	592.771.201.678
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02	23	34.033.518.334	32.069.435.639
3. Các khoản giảm trừ:	03		(348.294.606.866)	(406.067.421.460)
- Phí nhượng tái bảo hiểm	*04*	*24*	*(327.075.407.873)*	*(398.135.248.075)*
- Hoàn phí bảo hiểm	*06*		*(21.215.112.923)*	*(7.929.201.098)*
- Các khoản giảm trừ khác	*07*		*(4.086.070)*	*(2.972.287)*
4. Giảm/dự phòng phí	08	19	40.426.321.096	2.073.006.967
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		30.802.513.482	36.691.349.213
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		1.274.642.456	1.136.327.169
7. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**14**		**205.817.814.822**	**258.673.899.206**
8. Chi bồi thường bảo hiểm gốc, trả tiền bảo hiểm	15	25	(156.166.586.615)	(236.409.716.675)
9. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		(2.798.963.430)	(2.851.672.073)
10. Các khoản giảm trừ:	17		67.748.830.946	135.487.154.294
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	*18*	*26*	67.748.830.946	135.487.154,294
11. Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại	***21***		***(91.216.719.099)***	***(103.774.234.454)***
13. Giảm/(Tăng) dự phòng bồi thường	23	19	15.157.935.210	(35.875.964.171)
14. Số trích dự phòng dao động lớn trong năm	24	19	(3.999.996.187)	(6.563.217.759)
15. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25		(37.640.877.792)	(41.714.375.207)
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	*26*		(29.576.255.606)	(33.588.996.583)
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	*34*		(7.684.476.129)	(7.282.444.261)
- Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác	*40*		(380.146.057)	(842.934.363)
16. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	**41**		**(117.699.657.868)**	**(187.927.791.591)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B02a – DNBH
(Ban hành theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
17. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm	42		**88.118.156.954**	**70.746.107.615**
18. Chi phí bán hàng	43	27	(27.348.725.123)	(40.634.725.650)
19. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	28	(68.481.093.338)	(76.733.538.203)
20. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		**(7.711.661.507)**	**(46.622.156.238)**
21. Doanh thu hoạt động tài chính	46	29	74.269.086.677	96.854.223.107
22. Chi hoạt động tài chính	47	30	(15.393.659.800)	(36.591.742.582)
23. Lợi nhuận hoạt động tài chính	51		**58.875.426.877**	**60.262.480.525**
24. Thu nhập hoạt động khác	52		201.464.679	922.328.308
25. Chi hoạt động khác	53		(46.893.847)	(2.046.002.851)
26. Lợi nhuận hoạt động khác	54		**154.570.832**	**(1.123.674.543)**
27. Tổng lợi nhuận kế toán	55		**51.318.336.202**	**12.516.649.744**
28. Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận chịu thuế để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	56		1.794.560.089	1.394.310.219
29. Tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	57		53.112.896.291	13.910.959.963
31. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		**53.112.896.291**	**13.910.959.963**
32. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	60	31	(13.278.224.073)	(3.477.739.991)
33. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	61		**38.040.112.129**	**9.038.909.753**
34. Lãi cơ bản mỗi cổ phiếu	61	32		**181**

Người lập:

Trần Việt Quân
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Nguyễn Anh Đức
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B03 – DNBH
(Ban hành theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã số	2012 VND	2011 VND
I – Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền từ thu phí và hoa hồng	01	305.983.321	372.632.378
2. Tiền thu từ các khoản nợ phí và hoa hồng	02	672.985.709.692	782.725.783.887
3. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	579.906.119	3.824.145.010
4. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04	306.088.260.943	282.584.765.639
5. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(87.877.279.585)	(235.469.548.108)
6. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(430.850.635.308)	(338.701.733.186)
7. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(47.320.793.014)	(84.164.262.120)
8. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08	(24.850.148.520)	(40.803.703.495)
9. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ nhà nước	09	(47.357.400.492)	(66.634.947.345)
10. Tiền trả cho các khoản nợ khác	10	(397.549.002.722)	(293.288.062.341)
11. Tiền ứng trước cho người bán và tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	11	(22.965.600.935)	(31.838.768.451)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	**20**	**(78.811.000.501)**	**(21.393.698.132)**
II – Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	2.107.171.097	618.028.559.579
2. Tiền thu lãi đầu tư	22	25.168.212.016	55.535.451.128
3. Tiền gửi và đầu tư góp vốn trong năm	24	143.368.232.679	(568.609.425.768)
4. Tiền mua tài sản cố định	25	(601.554.054)	(1.074.634.686)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**170.042.061.738**	**103.879.950.253**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Chỉ tiêu	Mã số	2012 VND	2011 VND
III – Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
6. Chi trả cổ tức	36	(7.000.000.000)	(29.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(7.000.000.000)**	**(29.000.000.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**84.231.061.237**	**53.486.252.121**
Tiền và tương đương tiền đầu năm		**79.219.176.744**	**25.407.914.700**
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá		554.273.511	325.009.923
Tiền và tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh số 3)	**70**	**164.004.511.492**	**79.219.176.744**

Người lập:

Trần Việt Quân
Kế toán Trưởng

Người duyệt:

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Nguyễn Anh Đức
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số 31 /BHHK-HĐQT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2013*

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2012 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2013

Kính thưa các Quý vị cổ đông,

Năm 2012, môi trường kinh doanh Bảo hiểm tại Việt nam gặp nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình kinh tế xã hội cả nước nhìn chung rất khó khăn. Mức tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) chỉ đạt 5,3%, thấp nhất trong vòng nhiều năm trở lại đây. Tình hình sản xuất cầm chừng, đình trệ, các hoạt động thương mại, đầu tư và sức mua của người dân giảm sút đã ảnh hưởng mạnh đến tổng cầu và sức mua toàn xã hội, trong đó có lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Tình hình cạnh tranh trên thị trường kinh doanh bảo hiểm càng thêm gay gắt khi nhu cầu suy giảm. Trong bối cảnh đó, VNI đang trong quá trình tái cấu trúc lại về định hướng hoạt động đã gặp rất nhiều khó khăn thách thức, hệ thống còn bộc lộ nhiều điểm yếu. HĐQT đã kiên trì định hướng tái cấu trúc toàn diện Công ty từ chiến lược kinh doanh, mạng lưới, địa bàn hoạt động, mô hình tổ chức nhằm đưa VNI hoạt động từng bước ổn định, phát triển và có định hướng rõ nét.

I/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2012:

1. Chỉ đạo, giám sát thực hiện các nhiệm vụ kinh doanh do ĐHĐCĐ 2012 giao:

Năm 2012, Hội đồng quản trị đã trình Đại hội cổ đông thường niên thông qua kế hoạch kinh doanh vào ngày 01 tháng 08 năm 2012 với mức doanh thu 672,6 tỷ đồng *(trong đó doanh thu bảo hiểm: 587,9 tỷ đồng; Doanh thu hoạt động tài chính: 84,7 tỷ đồng)* và kế hoạch lợi nhuận sau thuế là 51,3 tỷ đồng.

Kết quả thực hiện KHKD năm 2012 so với Kế hoạch đã được Đại hội cổ đông thông qua như sau:

+ Tổng doanh thu bảo hiểm đạt 460,39 tỷ đồng tương đương 78,3% so với kế hoạch trong đó:

Doanh thu bảo hiểm Hàng không đạt 100,9% so với kế hoạch, doanh thu phi hàng không đạt 60,3% so với kế hoạch, doanh thu nhận tái bảo hiểm đạt 106,9% so với kế hoạch.

Doanh thu hoạt động tài chính năm 2012 đạt 74,26 tỷ đồng, tương đương 87,7% kế hoạch.

+ Lợi nhuận trước thuế là 51,3 tỷ đồng đạt 80% so với kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế là 38,04 tỷ đồng đạt 74,1% so với kế hoạch.

Hầu hết các chỉ tiêu của VNI không đạt kế hoạch đề ra. Chỉ tiêu về lợi nhuận năm 2012 không đạt được kế hoạch do một số nguyên nhân sau:

+ Quy mô hoạt động của Công ty thể hiện qua doanh số giảm sút mạnh so với năm 2011 và không phù hợp với tổ chức bộ máy và chi phí cho bộ máy gián tiếp của Công ty. Quá trình thay đổi về định hướng hoạt động, về đội ngũ cán bộ chủ chốt và việc chậm thông qua kế hoạch đã trực tiếp ảnh hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu kế hoạch .

+ Công ty tiếp tục phải thực hiện việc trích lập dự phòng nợ quá hạn đối với khoản nợ của Vinashin và khoản đầu tư trái phiếu tại STL, với tổng mức trích lập dự phòng trong năm 2012 là 12.656.660.758 đồng.

+ Việc tập trung xử lý công nợ kể cả công nợ nội bộ nhằm làm minh bạch tình hình tài chính công ty đã làm tăng mức trích lập dự phòng nợ khó đòi

+ Mức chi phí bồi thường năm 2012 vẫn còn cao do hậu quả tác động của định hướng kinh doanh của các năm trước theo hướng tăng trưởng nóng doanh thu để lại. Năm 2012 mặc dù Công ty đã thay đổi định hướng và mục tiêu kinh doanh, hướng tới doanh thu các nghiệp vụ rủi ro thấp, nhưng do sản phẩm bảo hiểm có độ trễ và chưa thể giảm ngay chi phí bồi thường trong năm 2012.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành và phối hợp với Ban kiểm soát thực hiện lập báo cáo quyết toán năm 2012 theo đúng các chuẩn mực kế toán, làm rõ thực trạng về tài chính của Công ty, tiếp tục chỉ đạo quyết liệt việc đối chiếu, xử lý công nợ để báo cáo cho cổ đông bức tranh tin cậy hơn về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2012. Sau khi xử lý và trích lập dự phòng chi phí bồi thường; trích dự phòng các khoản công nợ quá hạn, khó đòi, dự phòng giảm giá chứng khoán, lợi nhuận sau thuế năm 2012 đạt mức 38,04 tỷ đồng, giảm 13,31 tỷ đồng so với kế hoạch do Đại hội cổ đông thông qua.

Việc phản ánh trung thực hơn tình hình tài chính của Công ty sẽ giúp cho Hội đồng quản trị có được các định hướng, giải pháp quản trị công ty phù hợp trong năm 2013 và những năm tiếp theo.

2. Chỉ đạo công tác quản trị theo chức năng nhiệm vụ

Trong năm vừa qua Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng các chức năng, nhiệm vụ theo Quy chế tổ chức hoạt động của Công ty, theo Điều lệ và Điều lệ sửa đổi bổ sung ngày 01/08/2012.

Hội đồng quản trị đã triển khai tổ chức thành công Đại hội thường niên năm 2012 vào ngày 01/8/2012. Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 đã KHKD 2011, thông qua kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2012 và bầu bổ sung thay thế 01 thành viên HĐQT và 01 thành viên Ban kiểm soát.

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 cuộc họp định kỳ và 22 lần xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để ban hành 29 Nghị quyết để thông qua các vấn đề quan trọng như sau:

+ Bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ (Tổng giám đốc, Phó TGĐ, Kế toán trưởng, một số lãnh đạo các đơn vị...)

+ Thông qua báo cáo kiểm toán năm 2011, phương án phân chia lợi nhuận 2011

+ Thông qua phương án kinh doanh 2012.

+ Định hướng việc tái cấu trúc công ty, xem xét chiến lược kinh doanh 2013-2017.

+ Thông qua việc chi trả các hồ sơ bồi thường trên phân cấp như giải quyết bồi thường vụ Nishu Hà Nam;

+ Thông qua dự thảo sửa đổi điều lệ, quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2012, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và hoàn thiện cơ bản Đề án chiến lược phát triển và Phương án tái cơ cấu Công ty nhằm ổn định và kiên định định hướng phát triển Công ty theo mục tiêu hiệu quả, bền vững. Đề án tái cơ cấu về mô hình tổ chức của Công ty đã được phê chuẩn và từng bước triển khai theo hướng tinh giảm biên chế khối gián tiếp, đặc biệt trên hội sở; tổ chức kiện toàn các Ban, Phòng theo hướng giảm bớt đầu mối, giảm cấp trung gian; xây dựng phương án sát nhập các văn phòng đại diện vào các Chi nhánh để giảm đầu mối và giảm chi phí quản lý.

Đến thời điểm hiện nay, Hội đồng quản trị về cơ bản đã hoàn thành việc kiện toàn bộ máy cán bộ chủ chốt của Công ty: Ngày 19/09/2012 HĐQT bổ nhiệm ông Nguyễn Anh Đức giữ chức Tổng giám đốc thay cho Quyền Tổng giám đốc Vũ Tuấn Phan; bổ nhiệm ông Trần Trọng Dũng giữ chức Phó TGĐ từ ngày 05/11/2012. Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với ông Phạm Tuấn Thắng, bổ nhiệm ông Trần Việt Quân giữ chức vụ Kế toán trưởng từ ngày 06/02/2013 và một số vị trí cán bộ chủ chốt khác trong công ty như: Trưởng, Phó Ban nghiệp vụ (TCHC và Tái BH, Giám định Bồi Thường) và 01 chức vụ Phó giám đốc chi nhánh (HCM); tuyển dung cán bộ làm việc tại Ban Thư ký-tổng hợp để giúp việc cho HĐQT và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thuộc chức năng của HĐQT.

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo xử lý dứt điểm các vụ tranh chấp làm ảnh hưởng xấu đến hình ảnh và uy tín của VNI.

Đánh giá chung: Hoạt động của HĐQT và Tổng giám đốc Công ty tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Điều lệ Công ty và các qui định của Pháp luật. Sự phối hợp giữa HĐQT và BKS trong các hoạt động của Công ty có hiệu quả tốt, chắc chắn từ đó hỗ trợ cho việc điều hành và quản lý Công ty. Tuy vậy, HĐQT cũng nghiêm túc đánh giá và thừa nhận còn thiết sót trong công tác quản trị Công ty. Hội đồng quản trị chưa kiên quyết trong chỉ đạo xử lý dứt điểm các tồn tại về tài chính. HĐQT nhận trách nhiệm trước cổ đông vì chưa nắm bắt đầy đủ tình hình tài chính của Công ty, công tác giám sát và kiểm soát hoạt động của Hội đồng quản trị chưa đạt kết quả như mong muốn.

II/ PHỐI HỢP VỚI BAN KIỂM SOÁT

HĐQT đã phối hợp với Ban kiểm soát để thường xuyên giám sát các hoạt động của Công ty nhằm ngăn chặn các sai sót trong quá trình hoạt động kinh doanh.

HĐQT đã đề nghị Ban kiểm soát phối hợp với kiểm toán độc lập để đảm bảo số liệu về báo cáo tài chính được chính xác, minh bạch.

Các yêu cầu của Ban kiểm soát về cung cấp thông tin liên quan đến công tác quản lý, hoạt động kinh doanh đều được đáp ứng đầy đủ. Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp của HĐQT.

Nhìn chung sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đạt hiệu quả.

III/ CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2013 CỦA HĐQT

Năm 2013, tình hình kinh tế vĩ mô và môi trường hoạt động của ngành bảo hiểm được dự báo tiếp tục khó khăn và diễn biến phức tạp. Các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm hoạt động trong môi trường không thuận lợi. Trên cơ sở phân tích môi trường, bối cảnh kinh doanh và thực trạng của Công ty, Hội đồng quản trị thống nhất đưa ra chương trình hoạt động năm 2013 như sau:

1- Tăng cường chỉ đạo, giám sát Ban điều hành, kịp thời đưa ra các định hướng, giải pháp phù hợp, hiệu quả nhằm thực hiện thành công kế hoạch SXKD năm 2013 với các mục tiêu cụ thể sau:

+ Tổng doanh thu: 565,14 tỷ đồng.

Trong đó:

- Doanh thu bảo hiểm là 501,27 tỷ (Doanh thu phi hàng không là 254,79 tỷ đồng, doanh thu thu nhận tái là 35 tỷ đồng)

- Doanh thu hoạt động tài chính: 63,88 tỷ đồng

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2013 là 23,22 tỷ đồng

2- Triển khai quyết liệt và có hiệu quả đề án tái cấu trúc công ty theo định hướng phát triển hiệu quả và bền vững; nhanh chóng cơ cấu lại tổ chức, bộ máy tại Hội sở chính và các Chi nhánh theo hướng tinh gia và nâng cao hiệu suất hoạt động, tăng cường trách nhiệm cá nhân. Giám sát chặt chẽ và kịp thời chấn chỉnh các hoạt động của Ban điều hành.

3- Tập trung chỉ đạo xử lý dứt điểm những tồn tại về tài chính, thực hiện đối chiếu, xác nhận và xử lý triệt để công nợ .

4- Tiếp tục hoàn thiện việc rà soát, bổ sung, sửa đổi các quy chế thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của Pháp luật, tạo hành lang pháp lý cho công tác quản trị công ty một cách minh bạch và ổn định.

5- Tăng cường công tác kiểm soát của cả hệ thống thông qua việc xây dựng chương trình phối hợp giữa Ban Kiểm soát; Ban Thư ký tổng hợp và bộ phận kiểm soát nội bộ của Ban điều hành.

6- Phối hợp với BKS để nâng cao việc quản trị Công ty, thành lập các tiểu Ban trực thuộc HĐQT và kiện toàn Ban Thư ký tổng hợp để giải quyết kịp thời công việc theo từng lĩnh vực thuộc thẩm quyền của HĐQT.

7. Tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường khi thấy cần thiết để đưa ra các quyết sách của công ty nhằm tăng cường hơn nữa vai trò quản lý của HĐQT đối với các hoạt động kinh doanh của Công ty

8- Triển khai đăng ký lưu ký và niêm yết cổ phiếu VNI trên Sở giao dịch chứng khoán TPHCM .

9- Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, thiết thực, hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

Kính thưa các quý vị cổ đông.

Năm 2012 hoạt động của HĐQT Công ty đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT ban hành.

Trong bối cảnh thị trường tài chính còn nhiều khó khăn, tình hình hoạt động của Công ty chưa ổn định,Hội đồng quản trị đã đồng tâm hợp lực, quyết tâm chỉ đạo công tác quản trị Công ty theo hướng minh bạch, đặt mục tiêu hiệu quả lên hàng đầu trong kế hoạch hành động năm 2013 và những năm tiếp theo. Hội đồng quản trị Công ty nhận rõ những hạn chế trong công tác chỉ đạo, phối hợp và sẽ kịp thời khắc phục nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả của công tác quản tri của Công ty.

Thay mặt HĐQT, tôi xin được gửi tới các quý cổ đông lời cảm ơn sâu sắc và chân thành nhất vì sự ủng hộ đối với VNI trong những năm qua. HĐQT cam kết sẽ nỗ lực hết

mình vì sự phát triển lâu dài và bền vững của VNI, vì lợi ích của các đối tác, khách hàng thân thiết và đặc biệt là các quý vị cổ đông.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận :
- Các cổ đông;
- TV HĐQT, BKS;
- Lưu : VT, TK HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04 /BHHK-BKS	*Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2013*

BÁO CÁO KIỂM SOÁT NĂM 2012
CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không;

Căn cứ Qui chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không;

Căn cứ nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty; các nghị quyết, báo cáo của Hội đồng Quản trị; báo cáo của Ban Điều hành; tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không năm 2012 và kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2012.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không ("Công ty") như sau:

I. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY NĂM 2012

Đánh giá chung thị trường bảo hiểm Việt Nam năm 2012 tiếp tục là một năm khó khăn, mặc dù duy trì được tăng trưởng nhưng tốc độ tăng trưởng thấp hơn so với các năm gần đây. Tổng doanh thu phí bảo hiểm thị trường năm 2012 đạt 40.968 tỷ đồng, tăng 12% so với năm 2011, trong đó doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ đạt 22.777 tỷ đồng, tăng 10,69% và doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ đạt 18.191 tỷ đồng, tăng 13,71% so với năm 2011. Tổng số tiền thực bồi thường và trả tiền bảo hiểm đạt 13.363 tỷ đồng, trong đó các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đạt 4.615 tỷ đồng, các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đạt 8.748 tỷ đồng. Tổng số tiền đầu tư năm 2012 đạt 88.002 tỷ đồng, tăng 5,9% so với năm 2011 (trong đó, các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đạt 66.109 tỷ đồng, các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đạt 21.893 tỷ đồng); doanh thu hoạt động đầu tư đạt 9.321 tỷ đồng, giảm 10,7% so với năm 2011 (trong đó các doanh nghiệp bảo hiểm nhân thọ đạt 7.576 tỷ đồng, tăng 4,7%, các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ đạt 1.745 tỷ đồng, giảm 10,9% so với năm 2011). *(Nguồn số liệu: Báo cáo tại Hội nghị ngành bảo hiểm năm 2013).*

Năm 2012 Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Công ty đã rất nỗ lực trong việc kiện toàn bộ máy tổ chức, mạng lưới hoạt động, hệ thống quản lý... nhằm khắc phục những yếu kém của các năm trước và thực hiện kế hoạch kinh doanh 2012. Ban Điều hành mới đã nhanh chóng ổn định và duy trì các hoạt động của Công ty, triển khai thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn tại các chi nhánh, văn phòng khu vực. Công tác kế toán bước đầu được cải thiện hơn.

Năm 2012 Công ty đạt mức lợi nhuận trước thuế là 53,11 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 38,04 tỷ đồng. Tuy nhiên khoản hoàn nhập dự phòng là 40,42 tỷ đồng (lớn hơn lợi nhuận sau thuế) trong khi hoạt động kinh doanh bảo hiểm đã bị lỗ 7,71 tỷ đồng. Nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới bị lỗ trên 11 tỷ đồng làm ảnh hưởng lớn nhất tới hiệu quả kinh doanh bảo hiểm cả Công ty.

1.1. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

1.1.1. Về mạng lưới hoạt động

Công ty đã rà soát sắp xếp lại một số đơn vị hoạt động yếu kém. Một số Chi nhánh đã thực hiện thủ tục thu hẹp và chấm dứt hoạt động các VPKV để đảm bảo, nâng cao hiệu quả quản lý, kinh doanh. Có 4/17 đơn vị lỗ về nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm trong năm 2012 (VPKV 4,5,6,7) so sánh với số đơn vị lỗ về nghiệp vụ kinh doanh bảo hiểm năm 2011 là14/17 đơn vị.

Tuy nhiên, công tác quản lý tại các Chi nhánh, các Văn phòng khu vực vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu, đặc biệt về nhân sự và tổ chức hoạt động; quản lý đại lý, quản lý công nợ còn lỏng lẻo; tình trạng nợ đọng phí và chiếm dụng phí chưa được khắc phục đáng kể. Việc phân cấp, phân quyền quản lý các chi nhánh, văn phòng khu vực chưa rõ ràng dẫn đến việc các chi nhánh, văn phòng khu vực hoạt động gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý điều hành.

Tổng số đại lý bảo hiểm của Công ty tại 31/12/2012 có 12 tổ chức đại lý và 262 đại lý cá nhân. Công ty chưa thực hiện đánh giá chất lượng của các đại lý hiện tại, hiệu quả công tác quản lý cũng như hiệu quả từ việc phát triển, sử dụng hệ thống đại lý; làm cơ sở trong việc phân tích, đánh giá cũng như ban hành các chính sách phù hợp, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả từ hệ thống đại lý.

Năm 2012, Công ty đã tổ chức 12 đoàn kiểm tra nhằm đánh giá thực trạng của một số chi nhánh, văn phòng khu vực, cho thấy công tác quản lý ở các đơn vị vẫn còn nhiều bất cập và chưa được giải quyết một cách triệt để và hiệu quả.

1.1.2. Quản lý ấn chỉ:

Công ty đã có sự cải tiến trong công tác quản lý ấn chỉ so với các năm trước, hiện tại đây vẫn là vấn đề phức tạp và tiềm ẩn nhiều rủi ro liên quan đến thất thoát ấn chỉ và trục lợi bảo hiểm; công tác quản lý ấn chỉ đã được HĐQT, Tổng Giám đốc quan tâm song chưa có nhiều biến chuyển mạnh do các biện pháp triển khai không đồng bộ, qui định hiện hành về quản lý ấn chỉ đã bị lạc hậu..

1.1.3. Công tác quản lý giám định bồi thường (GĐBT):

Công ty đã xây dựng và kiện toàn cơ cấu tổ chức tại các đơn vị cơ sở, thiết lập hệ thống GĐBT và phân công đầu mối phụ trách tại mỗi đơn vị trên toàn hệ thống. Củng cố nhân sự GĐBT tại Chi nhánh Thành phố HCM, VP3, VP6 và tổ chức hướng dẫn cho toàn hệ thống các qui định, qui trình hướng dẫn mới do Công ty ban hành theo tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO. Công ty đã thực hiện thống kê, phân tích tình hình bồi thường phát sinh tại các đơn vị, nâng cao chất lượng, tiến độ giải quyết hồ sơ bồi thường; Xây dựng và quản lý Gara, giám định độc lập..., tăng cường công tác kiểm tra giám sát qua đó đã phát hiện được một số vụ trục lợi bảo hiểm (Chi nhánh Nghệ An, Chi nhánh Nam Hồng Hà, CN HCM và VPKV6).

Tại một số đơn vị đã sử dụng nhân sự là đại lý, cộng tác viên làm giám định bồi thường dẫn đến tình trạng chất lượng hồ sơ, thời gian giải quyết và tồn đọng nhiều, chất lượng hồ sơ bồi thường thấp: hồ sơ bồi thường chưa đúng qui định; công tác giám định hiện trường đối với các vụ tổn thất lớn chưa thực hiện đầy đủ, đúng thời gian qui định nên thường không đủ căn cứ để xử lý hoặc từ chối bồi thường; thủ tục tiến hành bồi thường còn nhiều sơ hở; thời gian giải quyết bồi thường kéo dài.

Qui định, hướng dẫn quản lý bồi thường chưa rõ ràng và công tác kiểm tra giám sát các đơn vị còn thiếu và yếu. Việc phối hợp giữa đơn vị và Ban GĐBT chưa tốt, còn thụ động, ỷ lại quy trình về thời gian. Công ty đã có qui định giao phụ trách giám định bồi thường để kiểm soát hồ sơ bồi thường, tuy nhiên một số cán bộ giám định bồi thường chưa đáp ứng yêu cầu, hoặc làm chỉ mang tính hình thức.

1.2. Hoạt động Đầu tư:

Tỷ suất sinh lời trên doanh thu đầu tư trên nguồn vốn đầu tư đạt 15%/ năm. Đây là mức sinh lời tốt. Tỷ suất sinh lời các khoản đầu tư đạt 10%/năm, nếu loại trừ trích lập dự phòng trái phiếu STL tỷ suất sinh lời các khoản đầu tư đạt 14%/năm.

Chi phí đầu tư tài chính năm 2012 là 6,8 tỷ đồng, tăng 6 tỷ đồng so với kế hoạch 700 triệu đồng. Nguyên nhân chính do dự kiến thị trường chứng khoán 2012 khả quan và có thể giảm được 05 tỷ đồng so với trích lập 2011 (hoàn nhập) nhưng trên thực tế thị trường chứng khoán diễn biến không tích cực với xu hướng giảm là chính nên chi phí dự phòng CK không giảm được như dự kiến.

Đầu tư góp vốn: Công ty đầu tư 1.990.000.000 đồng vào Công ty Sông Đà Tây Đô. Do chức năng kinh doanh chính của doanh nghiệp này là đầu tư bất động sản và thủy điện nên trong điều kiện tình hình bất động sản khó khăn hiện nay nên Công ty Sông Đà Tây Đô tạm thời tập trung vào mảng đầu tư tiền gửi. Hiện HĐQT đã thống nhất chia cổ tức 3% (2011) và tạm ứng cổ tức 9% (2012) vào đầu Quí I/2013.

Doanh thu đầu tư trái phiếu năm 2012 đạt 17,55 tỷ đồng. Tại 31/12/2012 Công ty đang nắm giữ trái phiếu chính phủ 110 tỷ đồng, Lilama 36 tỷ đồng (thanh toán 28,09 tỷ đồng) và Công ty CP Sông Đà Thăng Long 31,2 tỷ đồng.

Trái phiếu của Công ty cổ phần Sông Đà Thăng Long (STL) đã đáo hạn 19/10/2012 nhưng do thị trường bất động sản và hoạt động doanh nghiệp khó khăn nên hiện trái phiếu đang trong tình trạng tiếp tục xử lý tài sản đảm bảo. Năm 2012, các Trái chủ lô Trái phiếu đã thực hiện thanh lý 01 trong số các tài sản (3B Phan Đình Phùng, Hoàn Kiếm, Hà Nội) và phần thu về của VNI gần 19 tỷ đồng. Hiện các Trái chủ đang tiếp tục lên phương án thanh lý tiếp các tài sản còn lại. Lãi suất phạt trả chậm áp dụng từ 20/10/2012 là 27,3%/năm.

Trái tức STL nợ VNI năm 2011 là 7,7 tỷ đồng, VNI đã tính lãi trả chậm đến hết năm 2011 là 360.613.151 đồng. Năm 2012, STL trả 7,7 tỷ đồng và lãi trả chậm là 1.320.623.836 đồng. VNI đã đồng ý theo đề nghị của STL là chuyển khoản tiền trả trái tức và lãi chậm trả thành trả nợ gốc. Do STL chưa xác nhận việc có trả lãi chậm trả trái tức 1,778 tỷ đồng (bao gồm 360.613.151 đồng của năm 2011) nên VNI chưa hạch toán lãi dự thu năm 2012.

Tồn cổ phiếu tại 31/12/2012 trị giá 21.727.979.611 đồng.

Tổng nguồn tiền sử dụng bình quân trong năm thường duy trì ở mức 22,5 tỷ đồng (45% hạn mức tối đa được phép đầu tư). Vì vậy, doanh thu đầu tư cổ phiếu năm 2012 là 3,44 tỷ đồng/06 tỷ đồng kế hoạch.

1.3. Quản lý chi phí, doanh thu:

Công tác xây dựng, phê duyệt kế hoạch kinh doanh của Công ty đã được cải thiện hơn các năm trước nhưng vẫn có nhiều hạn chế cả về chất lượng công tác lập kế hoạch lẫn về tiến độ thời gian. Các qui định về định mức kinh doanh của Công ty đã có cải tiến song vẫn còn hạn chế trong việc phân loại chi phí, tỷ lệ (mức) chi phí, phạm vi áp dụng... điều này dẫn tới việc quản trị chi phí vẫn bị méo mó hoặc không trung thực. Năm 2012, tình trạng vượt chi tại các đơn vị đã giảm, tuy nhiên vẫn ở mức cao, đặc biệt là vượt nhiều ở khoản chi phí biến đổi. Công nợ về phí bảo hiểm gốc, công nợ chiếm dụng phí tại một số đơn vị vẫn ở mức cao (xem số liệu chi tiết bảng báo cáo của Công ty). Tình trạng các đơn vị chi vượt định mức chi phí kinh doanh vẫn chủ yếu liên quan đến vượt định mức chi phí khai thác là do đơn vị không đạt được doanh thu hòa vốn, trong khi đó đơn vị lại không có biện pháp hữu hiệu để tiết giảm chi phí và cân đối được các khoản chi phí kinh doanh, nhất là các chi phí cố định. Một số đơn vị còn hạn chế về năng lực, kỹ năng khai thác nên chi phí giao dịch tuy nhiều nhưng không hoặc chưa mang lại doanh thu tương ứng...

Số chi phí xuất toán đến năm 2011 Công ty đã xác định đối tượng phải thu là Giám đốc các chi nhánh và văn phòng khu vực. Tuy nhiên, việc thu hồi khoản công nợ nói trên theo đúng cam kết diễn ra hết sức khó khăn do tình hình kinh doanh chung của toàn Công ty không đạt kế hoạch năm 2012.

1.4. Quản lý nợ phải thu, dự phòng nợ phải thu:

Một số khoản phải thu " Bảo hiểm gốc" hiện tại Công ty không thể đối chiếu số dư với phía đối tác vào cuối năm tài chính. Việc này ảnh hưởng đến các số liệu báo cáo tài chính, thu hồi nợ, trích lập dự phòng.

Nhiều khoản nợ phải thu quá hạn không thu được, nợ phí, nợ tạm ứng... rất phổ biến. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến chi vượt định mức. Cán bộ kế toán tại các đơn vị có chi vượt định mức kinh doanh không quản lý việc chi tiền cho chi phí khai thác gắn với doanh thu.

- Tổng nợ phải thu tại 31/12/2012 là 410,9 tỷ đồng, trong đó nợ phải thu hoạt động BH gốc 140,5 tỷ đồng (chiếm 34,19%), hoạt động nhượng tái 136,8 tỷ đồng (33,29%), hoạt động tài chính 108 tỷ đồng (26,28%). Phân loại nợ: Nợ trong hạn 295,8 tỷ đồng (chiếm 71,98%), nợ dưới 6 tháng 48,73 tỷ đồng (11,85%), nợ từ 6-12 tháng 4,9 tỷ (1,19%), nợ 1-2 năm 45,9 tỷ đồng (11,17%), nợ từ 2-3 năm 14,39 tỷ (3,5%), nợ từ trên 3 năm 1,03 tỷ đồng (0,25%).

- Trích lập dự phòng nợ phải thu tại 31/12/2012 là 38,47 tỷ đồng. Trong đó, lớn nhất là các khoản nợ 1-2 năm, số đã trích 23,36 tỷ đồng (chiếm 60,71%) và phải thu từ hoạt động tài chính phải trích dự phòng cao nhất 28,015 tỷ đồng (chiếm 72,81%).

Đáng chú ý, VNI phải trích dự phòng các khoản phải thu nội bộ tại 31/12/2012 số tiền Công ty cho cán bộ tạm ứng là 4,3 tỷ đồng và số tiền bị chiếm dụng, xuất toán 7,7 tỷ đồng, số dự phòng phải trích cho 2 khoản này là 2,918 tỷ đồng.

II. QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Về cơ chế điều hành: Công ty đã rất nỗ lực trong việc hoàn thiện cơ chế quản lý, điều hành, thực hiện rà soát, ban hành các văn bản qui định phục vụ cho công tác quản lý (Cụ thể ở cấp HĐQT ban hành 2 văn bản; ở cấp Tổng Giám đốc là 16 văn bản). Tuy nhiên số lượng văn bản ban hành chưa đúng theo kế hoạch đề ra; việc sửa đổi, bổ sung một số qui chế, qui định vẫn còn thiếu và yếu, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý tài chính, giám định bồi thường và tổ chức cán bộ đã phần nào gây khó khăn trong công tác quản lý, điều hành.

Lao động bình quân của Công ty trong những năm gần đây đã có sự biến động đáng kể đó là: Năm 2010: 361 người, năm 2011 tăng lên 375 người và năm 2012 giảm xuống còn 281. Năng suất lao động bình quân/ tháng năm 2010 đạt 111.912.328 đồng; năm 2011 đạt 137.243.924 đồng; năm 2012 đạt 136.967.223 đồng. Như vậy mặc dù số lao động bình quân có giảm, Công ty đang thực hiện quá trình tái cơ cấu về tổ chức song năng suất lao động bình quân năm 2012 vẫn giảm so với năm 2011. Lực lượng lao động tăng giảm khá nhiều tại HO cũng như tại các đơn vị, phần nào đã ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh trong năm 2012.

Việc lập, giao và triển khai kế hoạch quá chậm so với năm kế hoạch, HĐQT, BĐH đã họp bàn nhiều nhưng vẫn chưa có chuyển biến tích cực gây vướng mắc trong điều hành.

Bộ phận kiểm soát nội bộ của Công ty không đủ nhân sự để thực hiện công tác kiểm soát nội bộ, không thể phát hiện hết các lỗi nghiệp vụ, các rủi ro trong hoạt động bảo hiểm. Về tăng cường công tác kiểm soát nội bộ Công ty, BKS đã nhiều lần đưa ra ý kiến đánh giá và đề nghị tại Đại hội đồng Cổ đông và báo cáo Hội đồng Quản trị.

Hệ thống công nghệ thông tin của Công ty bộc lộ nhiều hạn chế, như số liệu giữa phân hệ kế toán và phân hệ bảo hiểm chưa khớp nhau, chưa có bút toán tự động đối chiếu hoặc kết chuyển thông tin giữa hai hệ thống nói trên. Số liệu của cùng một báo cáo tại một thời điểm khi xuất ra bảng biểu cho nhiều kết quả khác nhau. Hệ thống kế toán của đơn vị chưa thực sự hỗ trợ tốt khi hợp đồng bảo hiểm có nhiều điều khoản cơ bản được thay đổi. Công nợ của một số khách hàng đã được tất toán trong năm nhưng vẫn xuất hiện số dư trên hệ thống.

III. BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012.

Công ty đã áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ban hành ngày 31/12/1996 và Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC, ngày 31/12/2001 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung chế độ kế toán doanh nghiệp bảo hiểm, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành; Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính, hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty là Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty được lập tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam

áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các qui định hiện hành của pháp luật về kế toán; thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty; phù hợp với kết quả kiểm toán của Công ty TNHH KPMG Việt Nam.

Các số liệu về vốn và tài sản tại thời điểm 31/12/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012 của Công ty như sau:

Đơn vị tính: đồng

	Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2011	Tỷ lệ 2012/2011
A	Tổng tài sản	992.928.620.379	963.497.113.684	103%
I	Tài sản ngắn hạn	867.242.663.695	864.854.721.142	100%
1	Tiền	164.004.511.492	79.219.176.744	207%
2	Đầu tư ngắn hạn	313.499.778.202	466.790.770.872	67%
3	Các khoản phải thu	383.940.487.180	311.827.930.321	123%
4	Tài sản ngắn hạn khác	5.797.886.821	7.016.843.205	83%
II	Tài sản dài hạn	125.685.956.684	98.642.392.542	127%
1	Tài sản cố định	8.686.956.774	11.207.999.855	78%
2	Các khoản đầu tư TC dài hạn	107.990.000.000	77.990.000.000	138%
3	Tài sản dài hạn khác	9.008.999.910	9.444.392.687	95%
B	Tổng nguồn vốn	992.928.620.379	963.497.113.684	103%
I	Nợ phải trả	451.639.207.974	451.306.649.903	100%
1	Nợ ngắn hạn	238.369.297.682	208.001.440.069	115%
2	Các khoản dự phòng Ng.vụ	207.234.539.870	235.922.619.437	88%
3	Nợ khác	6.035.370.422	7.382.590.397	82%
II	Vốn chủ sở hữu	541.289.412.405	512.190.463.781	106%
1	Vốn cổ phần	500.000.000.000	500.000.000.000	100%
2	Chênh lệch tỷ giá	-	64.200.739	
3	Quĩ dự trữ bắt buộc	6.832.256.420	4.930.250.814	139%
4	Lợi nhuận chưa phân phối	34.457.155.985	7.196.012.228	479%
C	Các chỉ tiêu kết quả KD			
1	Tổng lợi nhuận KT trước thuế	51.318.336.202	12.516.649.744	410%
2	Thuế TNDN phải nộp	13.278.224.073	3.477.739.991	382%
3	Lợi nhuận sau thuế thu TNDN	38.040.112.129	9.038.909.753	421%

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC.

HĐQT đã tổ chức 6 phiên họp thường kỳ và 22 lần xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để ban hành 26 Nghị quyết. Tất cả các nghị quyết HĐQT nhằm giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với Nghị quyết Đại hội Cổ đông và tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước. 25 Nghị quyết của HĐQT đã được thực hiện và 01 nghị quyết không thực hiện (Nghị quyết số 23/2011/NQ-HĐQT ngày 05/12/2011 thông qua việc Repo trái phiếu BIDV).

Các Nghị quyết HĐQT tập trung vào các nội dung chính:

1. Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông Công ty 2012, triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông.

2. Thông qua báo cáo kiểm toán năm 2011, phương án phân chia lợi nhuận 2011.

3. Thông qua và chỉ đạo thực hiện kế hoạch kinh doanh 2012.

4. Định hướng việc tái cấu trúc Công ty, xem xét chiến lược kinh doanh 2013-2017.

5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ (Tổng Giám đốc, Phó TGĐ, Kế toán trưởng, một số lãnh đạo các đơn vị...).

6. Thông qua việc chi trả các hồ sơ bồi thường trên phân cấp như giải quyết bồi thường vụ Nishu Hà Nam.

7. Thông qua dự thảo sửa đổi điều lệ, quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Năm 2012 Công ty có nhiều thay đổi về lãnh đạo điều hành, miễn nhiệm TGĐ đối với ông Đỗ Văn Hải ngày 16/3/2012; bổ nhiệm Phó TGĐ phụ trách điều hành công ty đối với ông Vũ Tuấn Phan từ ngày 16/3/2012 và ngày 15/5/2012 bổ nhiệm ông Vũ Tuấn Phan giữ chức vụ Quyền TGĐ; ngày 19/9/2012 bổ nhiệm ông Nguyễn Anh Đức giữ chức TGĐ; ông Tạ Chiến- Phó TGĐ chuyển công tác từ ngày 15/9/2012 và bổ nhiệm ông Trần Trọng Dũng giữ chức Phó TGĐ từ ngày 5/11/2012. Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với ông Phạm Tuấn Thắng, bổ nhiệm ông Trần Việt Quân giữ chức vụ Kế toán Trưởng từ ngày 06/02/2013.

Hiện tại công tác bàn giao giữa ông Đỗ Văn Hải và ông Vũ Tuấn Phan vẫn chưa được giải quyết dứt điểm. Việc khuyết chức danh Tổng Giám đốc Công ty trong một thời gian dài có ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty.

Năm 2012 Công ty đã bổ nhiệm đối với 2 chức vụ Trưởng, Phó Ban nghiệp vụ (TCHC và Tái BH) và 01 chức vụ Phó Giám đốc chi nhánh (HCM); đồng thời cũng cho miễn nhiệm và thuyên chuyển công tác đối với 01 Trưởng Ban, 4 phó phòng nghiệp vụ cùng 11 cán bộ thuộc các Chi nhánh, VPKV.

Đánh giá chung: Hoạt động của HĐQT và Tổng giám đốc Công ty tuân thủ các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty, Điều lệ Công ty và các qui định của Pháp luật. Sự phối hợp giữa HĐQT và BKS trong các hoạt động của Công ty có hiệu quả tốt, chắc chắn từ đó hỗ trợ cho việc điều hành và quản lý Công ty.

V. THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA BKS NHIỆM KỲ 2008 - 2012

Ban Kiểm soát ("BKS") Công ty gồm các thành viên:

- Ông Lương Đức Chính Trưởng ban.

- Bà Nguyễn Thị Thiên Kim Ủy viên (từ ngày 28/10/2011).
- Bà Nguyễn Thị Phương Thảo Ủy viên (từ ngày 01/08/2012).
- Bà Nguyễn Thị Thu Trang Ủy viên (đến ngày 01/08/2012).
- Ông Nguyễn Hưng Việt Ủy viên (đến ngày 28/10/09/2011).

đã hoàn thành các nhiệm vụ của BKS theo qui định tại Điều lệ Công ty, Qui chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, cụ thể:

- Giám sát các hoạt động của Công ty và việc tuân thủ quy định của pháp luật, qui định của Điều lệ Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông Công ty đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong quản lý và điều hành Công ty.

- Thực hiện các cuộc kiểm soát tại Công ty và các chi nhánh, tham gia các đoàn công tác, đoàn kiểm tra. Tham gia các cuộc họp do HĐQT Công ty mời họp. Phối hợp tốt hoạt động giữa BKS với HĐQT và Tổng Giám đốc.

- Đánh giá cơ chế tổ chức, hoạt động và quản trị, mạng lưới kinh doanh, hệ thống kiểm soát nội bộ Công ty, tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm của Công ty. Xem xét những kết quả kiểm tra nội bộ của Công ty. Thẩm định báo cáo tài chính.

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Điều hành Công ty.

- Chi phí hoạt động của BKS tuân thủ qui định Điều lệ Công ty.

- Thực hiện các công việc khác qui định của Pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc theo đề nghị của Hội đồng Quản trị.

VI. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Nhằm tiếp tục phát triển Công ty Bảo hiểm Hàng không, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty và đáp ứng các yêu cầu của công tác quản trị, điều hành, Ban Kiểm soát kiến nghị với Công ty như sau:

Thứ nhất, về mạng lưới hoạt động của Công ty: cần nhanh chóng sắp xếp lại các Chi nhánh, văn phòng khu vực, phân cấp, phân quyền quản lý các chi nhánh, văn phòng khu vực rõ ràng, có cơ chế giám sát và chịu trách nhiệm các nhân sự đứng đầu các ban, chi nhánh, văn phòng khu vực. Việc này đã được BKS kiến nghị nhiều lần trong các Đại hội đồng Cổ đông của VNI.

Thứ hai, về quản trị điều hành của Công ty: Phải triển khai việc ban hành mới, sửa đổi lại hệ thống các Qui chế, Qui định liên quan đến quản trị điều hành Công ty, đặc biệt là quản trị các định mức chi phí, quản lý công nợ. Đẩy nhanh công tác lập kế hoạch, phê duyệt kế hoạch hàng năm để chủ động trong công tác điều hành Công ty. Công tác hạch toán kế toán của Công ty hiện không đáp ứng được hoạt động kinh doanh của Công ty, cần phải đổi mới nhân sự và nâng cao trình độ nghiệp vụ cán bộ kế toán, tài chính cả ở văn phòng Công ty và tất cả các chi nhánh, văn phòng khu vực. Chấm dứt tình trạng chi vượt định mức ở tất cả các chi nhánh, văn phòng của Công ty.

Thứ ba, về quản lý công nợ, đến cuối năm 2012 công ty đã để lại các khoản nợ quá hạn rất lớn (đề nghị xem Mục I trên đây) làm ảnh hưởng lớn đến nguồn vốn kinh doanh khả dụng và kết quả tài chính của Công ty. Công ty cần tập trung và cương quyết giải quyết tốt khâu thu hồi nợ quá hạn có hiệu quả, bao gồm nợ của khách hàng trong kinh doanh và đầu tư, nợ tạm ứng, nợ do xuất toán, nợ do chiếm dụng phí…

Thứ tư, Hoạt động bảo hiểm, nghiệp vụ quản lý chi phí kinh doanh bảo hiểm bộc lộ khá nhiều sai sót về nghiệp vụ, làm ảnh hưởng đến hạch toán kế toán và kết quả tài chính của Công ty. Cần không ngừng nâng cao trình độ nghiệp vụ của cán bộ đồng thời cần thiết phải đầu tư đổi mới hệ thông công nghệ thông tin của Công ty vốn đã quá tải, không đáp ứng được số lượng nghiệp vụ và tính đa dạng của sản phẩm bảo hiểm thực tế phát sinh.

Thứ năm, Công tác kiểm soát nội bộ, cần thiết phải đẩy mạnh hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty và xây dựng cơ chế phù hợp cho bộ phận này hoạt động thực sự để trợ giúp việc điều hành, quản lý Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty năm 2012, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần bảo hiểm Hàng không thông qua.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Lưu BKS, VT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Lương Đức Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 32 /TTr-HDQT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2013*

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ, tỷ lệ chia cổ tức năm 2012

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Bảo hiểm Hàng không

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không đã được đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01/08/2012
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam.
- Căn cứ vào báo cáo số 04/BHHK-BKS ngày 05/ 06/2013 của Ban kiểm soát.
- Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội cổ đông thông qua phương án phân chia lợi nhuận, trích lập các quỹ, tỷ lệ chia cổ tức năm 2012 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2012
1	**Lợi nhuận trước thuế TNDN**	**51.318.336.202**
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (25%)	13.278.224.073
3	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**38.040.112.129**
4	Trích Quỹ dự trự bắt buộc (5% LNST)	1.902.005.606
5	Trích Quỹ phúc lợi, khen thưởng	2.138.106.523
6	Thưởng HĐQT, BKS	-
7	**Lợi nhuận còn lại năm nay (3) - (4) - (5) - (6)**	**34.000.000.000**
8	Lợi nhuận năm trước chưa phân phối	200.000.000
9	**Tổng Lợi nhuận còn lại (7) + (8)**	**34.200.000.000**
10	Chia cổ tức	34.000.000.000
11	**Tỷ lệ cổ tức**	**6,80%**
12	**Lợi nhuận để lại**	**200.000.000**

Trân trọng!

Nơi nhận :
- ĐHĐ cổ đông
- HĐQT, BKS
- Lưu VT, TK HĐQT

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Trần Thanh Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 33 /BHHK-HDQT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2013*

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG
"V/v: Chi trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2012
và phương án chi trả năm 2013"

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 về tình hình chi trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2012 và phương án trả thù lao năm 2013.

I/Tình hình chi trả thù lao năm 2012 (VNĐ):

TT	Họ và Tên	Chức danh	Mức thù lao năm 2012	
			Mức thù lao/tháng	Chi trả
1	Trần Thanh Hiền	Chủ tịch HĐQT	6,000,000	72,000,000
2	Nguyễn Thị Kim Thoa (7 tháng)	UV TT HĐQT	4,500,000	31,500,000
3	Đào Mạnh Kháng	UV TT HĐQT	4,500,000	54,000,000
4	Trần Văn Hồi	TV HĐQT	4,500,000	54,000,000
5	Sử Bùi Bảo Ngọc	TV HĐQT	4,500,000	54,000,000
6	Phạm Việt Minh	TV HĐQT	4,500,000	54,000,000
7	Nguyễn Văn Thịnh	TV HĐQT	4,500,000	54,000,000
8	Nguyễn Thị Thu Trang (5 tháng)	TV HĐQT	4,500,000	22,500,000
9	Lương Đức Chính	Trưởng Ban KS	3,000,000	36,000,000
10	Nguyễn Thị Thu Trang (7 tháng)	Thành viên BKS	2,100,000	14,700,000
11	Nguyễn Thị Thiên Kim	Thành viên BKS	2,100,000	25,200,000
12	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên BKS	2,100,000	10,500,000
	Tổng cộng			**482,400,000**

II/ Mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2013:

TT	Họ và Tên	Mức thù lao/tháng (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT	6,000,000
2	Thành viên HĐQT	4,500,000
3	Trưởng Ban kiểm soát	3,000,000
4	Thành viên Ban kiểm soát	2,100,000

Nơi nhận :
- Các cổ đông
- TV HĐQT, BKS
- Lưu VT, TK HĐQT

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Trần Thanh Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 06 /TTr-BKS	*Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2013*

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 01/08/2012;

Để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (Công ty) theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông việc lựa chọn đơn vị kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán:

- Là công ty kiểm toán độc lập, được phép hoạt động tại Việt Nam, được Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận thực hiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán;
- Là đơn vị kiểm toán có uy tín, đội ngũ kiểm toán viên có trình độ và có nhiều kinh nghiệm kiểm toán báo cáo tài chính trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng và chứng khoán theo các quy định của các Chuẩn mực Kế toán, Hệ thống Kế toán Việt nam;
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán do Công ty yêu cầu.

2. Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

a. Tiêu chí để lựa chọn đơn vị kiểm toán nêu tại Mục 1 trên đây để Ban Kiểm soát làm căn cứ lựa chọn, đề xuất đơn vị kiểm toán cung cấp các dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2013 cho Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không;

b. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Công ty quyết định việc lựa chọn đơn vị kiểm toán theo đề xuất của Ban Kiểm soát Công ty.

Kính trình đại hội.

Nơi nhận :
- ĐHĐ cổ đông ;
- HĐQT, BKS ;
- Ban tổ chức Đại hội ;
- Lưu VT, TK HĐQT, BKS

T/M BAN KIỂM SOÁT
TUQ. TRƯỞNG BAN
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Nguyễn Thị Phương Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số 34 /TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 06 năm 2013*

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua phương án thực hiện lưu ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD)

Kính gửi : Đại Hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006;
- Căn cứ giấy phép số 49/GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 23/4/2008 về việc thành lập Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI);
- Căn cứ Điều lệ sửa đổi bổ sung của VNI đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 01/08/2012;
- Căn cứ quyết định số 56/QĐ-UBCK của Uỷ ban Chứng khoán Nhà Nước ngày 31/03/2013 về việc ban hành quy chế chuyển quyền sở hữu đối với công ty đại chúng đã đăng ký tại VSD nhưng chưa, không niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán;
- Căn cứ công văn số 279/UBCK-QLPH ngày 17/01/2013 Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu VNI thực hiện lưu ký chứng khoán tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD);

Theo các căn cứ nêu trên, công ty đại chúng phải thực hiện lưu ký chứng khoán tập trung tại VSD. Tuy nhiên, trước đây không có văn bản pháp luật nào hướng dẫn việc chuyển nhượng cổ phần áp dụng cho công ty đại chúng chưa niêm yết, đã thực hiện lưu ký chứng khoán tập trung tại VSD. Chính vì vậy, VNI cũng như nhiều công ty đại chúng chưa niêm yết khác còn chần chừ chưa thực hiện lưu ký chứng khoán tập trung tại VSD.

Đến nay, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước đã ban hành quy chế về việc chuyển quyền sở hữu đối với công ty đại chúng đã đăng ký tại VSD nhưng chưa, không niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán (quyết định 56/QĐ-UBCK).

Trên cơ sở đó, Hội đồng Quản trị kính trình Đại Hội đồng Cổ đông xem xét thực hiện lưu ký chứng khoán tập trung tại VSD và uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện các bước liên quan theo quy định của pháp luật.

Trân trọng,

Nơi nhận :
- Các cổ đông
- TV HĐQT, BKS, TGĐ
- Lưu VT, TK HĐQT

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Trần Thanh Hiền

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35 /TTr-HĐQT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2013*

TỜ TRÌNH

V/v thông qua dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung Điều lệ hiện hành của VNI

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông VNI

Bản Điều lệ của VNI được soạn thảo và ban hành vào những ngày đầu Công ty mới thành lập để đáp ứng nhu cầu quản lý điều hành mọi mặt hoạt động của Công ty theo những nguyên tắc cơ bản của pháp luật. Nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị Công ty, ngày 01/08/2012 Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua việc sửa đổi Điệu lệ Công ty lần thứ nhất cho phù hợp trong tình hình mới và chuẩn bị những điều kiện cần thiết sẵn sàng cho cổ phiếu của VNI được chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh.

Tuy nhiên ngày 26/07/2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 121/2012/TT-BTC quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, trong đó ban hành kèm theo Điều lệ mẫu để các Công ty Đại chúng tham chiếu xây dựng Điều lệ công ty cho phù hợp.

Hội đồng Quản trị VNI đã chỉ đạo Ban Tổng giám đốc VNI dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung Điều lệ hiện hành của VNI để ban hành mới. Cụ thể nguyên tắc sửa đổi bổ sung như sau:

1. Tuân thủ ở mức cao nhất các quy định của pháp luật quy định tại Điều lệ mẫu áp dụng cho các Công ty niêm yết ban hành kèm theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC

2. Tham khảo, tiếp thu một số quy định phù hợp với yêu cầu quản trị Công ty trong thời gian tới và giữ lại một số quy định đặc thù của VNI nhưng không trái Luật doanh nghiệp, Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01/10/2010 của Chính phủ và Điều lệ mẫu.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua dự thảo Điều lệ gửi kèm.

Nơi nhận: - Như trên; - HĐQT, BKS, Ban TGĐ; - Lưu: VT.	**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** **CHỦ TỊCH** CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG **Trần Thanh Hiền**

TÓM TẮT NHỮNG NỘI DUNG SỬA ĐỔI CHÍNH TRONG ĐIỀU LỆ
(THEO THÔNG TƯ 121/2012/TT-BTC)

ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH CỦA VNI	ĐIỀU LỆ MẪU THEO THÔNG TƯ 121	ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI
	PHẦN MỞ ĐẦU Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày ... tháng ... năm ...	**Bổ sung theo ĐL mẫu** **PHẦN MỞ ĐẦU** **Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức chính thức vào ngày ... tháng ... năm ...**
Điều 1. Định nghĩa	**Điều 1. Giải thích thuật ngữ**	
1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:	
g) "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 7 Điều 2 của Điều lệ này.	e. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;	
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**	
1. Tên Công ty	1. Tên Công ty	
- Tên tiếng Việt: Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không	- Tên tiếng Việt:	- Tên **giao dịch** tiếng Việt: Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không
- Tên tiếng Anh: Vietnam National Aviation Insurance Company	- Tên tiếng Anh:	- Tên **giao dịch** tiếng Anh: Vietnam National Aviation Insurance Company
- Tên viết tắt tiếng Việt: Bảo hiểm Hàng không	- Tên giao dịch:	
- Tên viết tắt tiếng Anh: VNI	- Tên viết tắt:	
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:	3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:	
- Fax: 04. 62765556	- Fax: - E-mail: - Website:	***- E-mail:*** ***vanthuvni@vna-insurance.com*** ***- Website:*** ***www.vna-insurance.com***
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	**Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**	
3. Công ty có thể tăng vốn Điều lệ theo yêu cầu của sản xuất kinh doanh. Việc tăng vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.	2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	**3. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.**

	3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông, cổ phần chi phối, cổ phần đặc biệt và cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.	**4. Vào ngày thông qua Điều lệ này Công ty chỉ có cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 12 Điều lệ này**
3.2 Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp trong thời gian tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày làm việc để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.	6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.	**Sửa đổi:** … Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu **trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.**
Điều 6. Chứng chỉ cổ phiếu	**Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu**	**Chứng nhận cổ phiếu:** Trong Điều này tất cả những cụm từ ***"chứng chỉ"*** đều sửa đổi thành ***"Chứng nhận"***
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	**Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần**	
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng cổ tức.	2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.	Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng **và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.**
Điều 9. Thu hồi cổ phần	**Điều 9. Thu hồi cổ phần**	**Sửa theo ĐL mẫu**
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên	3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần	**3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ**

không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và Khoản 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.	chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.	**phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.**
4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Tùy từng trường hợp, Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	**4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán.** Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
Điều 12. Quyền của cổ đông	**Điều 11. Quyền của cổ đông**	
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:	
a) Tham gia và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền **hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;**
b) Nhận cổ tức;	b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	**b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;**
e) Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;	**đ. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin** liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 90 của Luật Doanh nghiệp;	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau:	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ ....% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:	
b) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;	b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập	b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu

	Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;	tập Đại hội đồng cổ đông **theo các quy định tại Điều 79 và Điều 97 Luật Doanh nghiệp;**
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	**Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông**	
Cổ đông có nghĩa vụ sau:	Cổ đông có các nghĩa vụ sau:	
	2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.	**Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.**
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	**Điều 13. Đại hội đồng cổ đông**	
3.d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải được lập thành 10 (mười) bản có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan gửi các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan;	d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;	3.d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải **nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;**
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	
Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.	Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát **trình tự, thủ tục** triệu tập, tiến hành họp **và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.**	Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát **trình tự, thủ tục** triệu tập, tiến hành họp **và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.**
Điều 15. Quyền của Đại hội đồng cổ đông	**Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**	
3.b) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó.	b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.	3.bViệc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó **trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.**
Điều 16. Các đại diện được ủy quyền	**Điều 15. Các đại diện được ủy quyền**	
4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15 của	4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15,	**Sửa đổi:**

Điều lệ này, phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:	phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:	**"4. … Khoản 3 Điều này …"**
c) Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.	c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.	
Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên 48 (bốn mươi tám) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.	Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện **trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.**
Điều 17. Thay đổi các quyền	**Điều 16. Thay đổi các quyền**	
1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Điều lệ này liên quan đến vốn cổ phần của Công ty về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó. 2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 (hai) cổ đông, hoặc đại diện được ủy quyền của họ và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.	1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.	1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được **cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.**
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	**Điều 17. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**	

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại Đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu theo quy định của pháp luật, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty, 01 (một) tờ báo trung ương hoặc 01 (một) tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư. Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	**3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.**
	5.d. Các trường hợp khác.	**d. Các trường hợp khác**
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	**Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**	
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho	

từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ ủng hộ Nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối Nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối hoặc bỏ phiếu trắng đối với từng vấn đề biểu quyết được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa chọn những người đó. *Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá 03 (ba) người.*	từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số **thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.**	Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối hoặc bỏ phiếu trắng đối với từng vấn đề biểu quyết được Chủ toạ thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số **thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.**
4. Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Hội đồng quản trị bầu ra 01 (một) người làm Chủ tọa Đại hội. Chủ tịch hoặc Chủ tọa được Hội đồng quản trị bầu ra đề cử một Thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa Đại hội, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.	**4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ toạ, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp.** **Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ toạ cuộc họp.**
5. Quyết định của Chủ toạ về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.	5. Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.	**5. Chủ toạ là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.**

10. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:	9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:	
a) Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;	a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;	**a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;**
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	**Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**	
2.b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty; tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận;	2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất **được kiểm toán** được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 75% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).	2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất **được kiểm toán** được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết **có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại** Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	**Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**	
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ **đăng ký** của từng cổ đông. **Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.**

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông hoặc nhóm cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;	6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	6. **Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ** và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản **phải được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận** và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	**Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**	
1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản phải được lập thành tiếng Việt và có thể cả tiếng nước ngoài, và phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, nơi đăng ký kinh doanh của Công ty; b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; c) Chương trình và nội dung cuộc họp; d) Chủ tọa và thư ký; e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; h) Các quyết định đã được thông qua; i) Họ và tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký. 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm	Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	**Sửa đổi theo Điều lệ mẫu:** *"1.* Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của Công ty. **Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.** Biên bản phải được lập thành tiếng Việt và có thể cả tiếng nước ngoài, và phải có các nội dung chủ yếu sau đây: .... 2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. 3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. *4.* Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải **được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và** được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. *5.* **Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại**

xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp. 3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. 4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. 5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.		**hội đồng cổ đông.** Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	**Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**	
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.	
	Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng .... ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.	**Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị huỷ bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.**
Điều 25. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	**Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**	
1. Hội đồng quản trị của Công ty có từ 5 (năm) đến 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của mỗi nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Luật Doanh nghiệp	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là ..... người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu	. Hội đồng quản trị của Công ty có từ 5 (năm) đến 11 (mười một) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của mỗi nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. **Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập (đối với công ty đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết) phải chiếm ít nhất một**

và Luật kinh doanh Bảo hiểm.	thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.	**phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.** Thành viên Hội đồng quản trị phải có đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật kinh doanh Bảo hiểm.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử thành viên Hội đồng quản trị. 3. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được đề cử 01 (một) thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử 02 (hai) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 (ba) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 (bốn) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	2. Các cổ đông nắm **giữ cổ phần** có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ **từ 5% đến dưới 10% tổng** số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; **từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02)** ứng viên; từ **30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03)** ứng viên; **từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04)** ứng viên; từ **50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng** viên; **từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06)** ứng viên; từ **70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07)** ứng viên; và từ **80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08)** ứng viên.	**2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.**
5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:	4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:	
d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 (sáu) tháng và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;	d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;	**Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;**
6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại	5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau	**5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại**

hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.	**hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.**
7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	6. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được **công bố thông tin** theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	**Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị**	
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	
	k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành;	**k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành;**
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.	7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.	**Bổ sung theo Điều lệ mẫu** **"8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo**

	8. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.	**cáo thường niên của Công ty."**
Điều 28. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	**Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**	
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. **Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:**
8. Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên trở lên có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.	8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	**Bổ sung theo Điều lệ mẫu** **...** **Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.**
9. Biểu quyết:	9. Biểu quyết.	
c) Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và	c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới	**Sửa mục c)** .... khác có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ

phán quyết của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;	cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;	trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan chưa được **công bố đầy đủ;**
14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển hoặc chỉ đạo Thư ký Công ty chuyển Biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.	14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.	**Bổ sung vào mục 14.** **....hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.**
Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm; nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	**Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành**	
2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc tối đa 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc.	2. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.	Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành là **ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm.** Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại **hợp đồng lao động.**
4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:	3. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:	
h) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn và hàng năm của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán). Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;	g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và **hàng quý của Công ty** (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông	. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và **hàng quý của Công ty** (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để

	qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;	Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
Điều 31. Giúp việc cho Hội đồng quản trị và Thư ký Công ty	**Điều 31. Thư ký Công ty**	
3. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:	Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:	
b) Làm biên bản các cuộc họp; Thư ký các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông khi Hội đồng quản trị yêu cầu;	3. Tham dự các cuộc họp.	**Tham dự các cuộc họp….**
	4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.	**4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.**
Điều 32. Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý	**Điều 34. Trách nhiệm cẩn trọng**	
Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các Ủy ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	**Bổ sung** **…thành viên Ban kiểm soát, …**
Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	**Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**	
1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.	**Bổ sung** **…thành viên Ban kiểm soát, …**
Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	**Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**	
1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và	1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban	**Bổ sung theo Điều lệ mẫu**

cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.	**"thành viên Ban kiểm soát,"**
Điều 35. Thành viên Ban Kiểm soát	**Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát**	
2. Cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ trên 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 (sáu) tháng được đề cử 01 (một) thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử 02 (hai) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử 03 (ba) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử 04 (bốn) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	2. Các cổ đông **có quyền gộp số phiếu** biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ **30% đến dưới 40%** được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ **40% đến dưới 50%** được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ **50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng** viên. 3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	**. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.** **3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.**
3. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát là 03 (ba) thành viên. Thành viên Ban Kiểm soát có thể làm việc theo chế độ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm. Trong Ban Kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập	1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là .... thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.	3. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát có từ 3 (ba) đến 5 (năm) thành viên... Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của từng nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. Thành viên Ban Kiểm soát có thể làm việc ....

đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát được tuyển từ 01 (một) đến 02 (hai) chuyên viên làm việc chuyên trách theo sự phân công, chỉ đạo của Ban Kiểm soát. Tiền lương và mọi quyền lợi khác của chuyên viên chuyên trách do Công ty chi trả theo quy định của Công ty.	Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.	**người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty."**
Ban Kiểm soát bầu ra Trưởng ban; Trưởng ban có các quyền hạn và trách nhiệm như sau:	Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:	**Bổ sung** **"Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán."**
Điều 37. Quyền xem xét sổ sách và hồ sơ	**Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**	
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.	3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị. các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.	3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, **nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị**, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, **các báo cáo của Hội đồng quản trị**. các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ Công ty miễn phí. Điều lệ này phải được công bố trên website của Công ty.	4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.	4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.
Điều 39. Người lao động và Công đoàn	**Điều 38. Công nhân viên và công đoàn**	
Tổng giám đốc tham khảo ý kiến của tổ chức Công đoàn để xây dựng và trình Hội đồng quản trị thông qua các Quy chế liên quan đến việc tuyển dụng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động. Mối quan hệ của Công ty với các tổ chức Công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực,	1. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương , bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý. 2. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải lập kế	**Sửa đổi** **1. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương , bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.**

thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất được quy định tại Điều lệ này, các Quy chế của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.	hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	**2. Giám đốc (Tổng giám đốc) điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.**
Điều 45. Hệ thống kế toán	**Điều 42. Chế độ kế toán**	
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	**Không sửa vì không cần thiết**
Điều 46. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý	**Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**	
1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan hữu quan theo quy định của pháp luật.	1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này, và trong thời hạn .....ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.	**Bổ sung: ....cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.**
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Pháp luật và nộp cho các cơ quan hữu quan theo quy định.	3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp	**3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp**
Điều 47. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	**Điều 44. Báo cáo thường niên**	**Điều 47. Báo cáo thường niên**
Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo	Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và	**Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về**

những quy định của Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.	thị trường chứng khoán.	**chứng khoán và thị trường chứng khoán.**
Điều 48. Kiểm toán	**Điều 45. Kiểm toán**	**Điều 45. Kiểm toán**
1. Ban Kiểm soát Công ty lựa chọn một Công ty Kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, trình Đại hội đồng cổ đông chấp nhận để tiến hành các hoạt động kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty theo đúng quy định của pháp luật. 2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi Báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty Kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.	1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.	1. **Đại hội đồng cổ đông lựa chọn hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong số Công ty Kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo.** 2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi Báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty Kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
Điều 50. Chấm dứt hoạt động	**Điều 47. Chấm dứt hoạt động**	
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.	2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.	**Sửa theo Điều lệ mẫu**
Điều 55. Ngày hiệu lực	**Điều 52. Ngày hiệu lực**	
2. Điều lệ được lập thành 14 bản, có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:	2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:	
d) 03 bản lưu trữ tại Trụ sở chính Công ty.	c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.	**Sửa đổi** **c. Bốn (04) bản lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.**

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 38 /BHHK-HĐQT	*Hà Nội, ngày 05 tháng 06 năm 2013*

TỜ TRÌNH

V/v: Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2013 – 2018)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội khóa 11 nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005;

Căn cứ Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 01/08/2012;

Căn cứ Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị VNI ban hành theo Nghị quyết số 25/2012/NQ-HĐQT ngày 22/11/2012;

Căn cứ thông báo gửi cổ đông số 30/2013/TB-HĐQT ngày12/06/2013 của HĐQT về việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, BKS VNI nhiệm kỳ 2013 - 2018;

Căn cứ công văn đề cử của các Cổ đông:

- Công văn số 698/TCTHK-TCCB ngày 20/05/2013 của **Tổng Công ty Hàng không Việt Nam** về việc đề cử nhân sự bầu vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát VNI nhiệm kỳ 2013 - 2018;
- Nghị quyết số 213/TCT-HĐTV ngày 21/06/2013 của **Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam**; Công văn số 218/TCT-HĐTV ngày 24/06/2013 của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam về việc giới thiệu nhân sự ứng cử HĐQT và BKS VNI nhiệm kỳ 2013 – 2018.
- Quyết định số 1063/QĐ-VINACOMIN ngày 19/06/2013 của **Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam** quyết định về việc thay đổi người đại diện phần vốn và giới thiệu người đại diện của Vinacomin tham gia HĐQT, BKS VNI nhiệm kỳ 2013 - 2018;
- Đơn đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát VNI nhiệm kỳ 2013 – 2018 của **Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội**;
- Đơn đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị VNI nhiệm kỳ 2013 – 2018 của Ban chấp hành **Công đoàn Tổng Công ty Hàng không Việt Nam**;
- Đơn đề cử thành viên Hội đồng quản trị VNI nhiệm kỳ 2013 – 2018 của **Công ty Cổ phần Nam Việt**;

Theo quy định tại điều lệ VNI, hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ I (2008-2013) đã kết thúc. Nhằm đảm bảo công tác quản trị của HĐQT và công tác giám sát của BKS đối với hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ I và phê chuẩn thông qua việc bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2013 – 2018) như sau:

1. Bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2013 – 2018)

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013-2018: **07 thành viên**
- Danh sách 07 ứng viên đủ tiêu chuẩn và được các cổ đông đề cử để bầu làm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2013 – 2018) như sau:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện nay
1	Trần Thanh Hiền	09/04/1963	21/9 Hoàng Ngọc Phách, Láng Hạ, Hà Nội.	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Trưởng ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, Chủ tịch HĐQT VNI
2	Phạm Hồng Thái	15/01/1960	Số 85 B3 Khu đô thị Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Hà Nội.	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh	Trưởng Ban tài chính Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN
3	Đào Mạnh Kháng	19/01/1969	Số 17 ngõ 61 phố Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Hà Nội.	Tiến sỹ Kinh tế	Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH XNK Tổng hợp Hà Nội, thành viên HĐQT VNI
4	Nguyễn Thị Thu Trang	15/02/1981	Số 119 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Cử nhân Kinh tế	Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam, thành viên HĐQT VNI
5	Sử Bùi Bảo Ngọc	11/08/1971	Số 19B, Hạ Hồi, Hà Nội.	Cử nhân luật, cử nhân kinh tế	Phó chủ tịch HĐQT Công ty LD Sunjin Việt Nam, thành viên HĐQT VNI
6	Nguyễn Văn Thịnh	06/01/1959	Số 30 ngõ 117/18 phố Nguyễn Sơn, Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội.	Cử nhân kinh tế	Phó Chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, thành viên HĐQT VNI
7	Phạm Việt Minh	31/08/1961	78 Quán Sứ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.	Cử nhân kinh tế	Trưởng phòng Bảo hiểm - Ban Pháp chế Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, thành viên HĐQT VNI

2. Bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2013 – 2018)

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018: **04 thành viên**
- Danh sách 04 ứng viên đủ tiêu chuẩn và được các cổ đông đề cử để bầu làm thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2013 – 2018) như sau:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện nay
1	Nguyễn Thị Kim Thoa	21/01/1957	Số 54 Võ Văn Dũng, Quận Đống Đa, Hà Nội.	Cử nhân kinh tế	Cố vấn Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát nội bộ Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội. (thành viên HĐQT VNI 2008-2012)
2	Lương Đức Chính	20/05/1968	Số 4A-A8 Tập thể khí tượng thủy văn Trung ương, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Hà Nội.	Cử nhân kinh tế	Phó Trưởng Ban tài chính Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản VN, Trưởng BKS VNI
3	Nguyễn Thị Thiên Kim	04/11/1967	Số 77, Ngõ 10 đường Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Hà Nội.	Cử nhân kinh tế	Kiểm soát viên nội bộ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam, thành viên BKS VNI
4	Nguyễn Thị Phương Thảo	08/04/1980	P1 dãy B, Tập thể Bệnh viện Phụ sản Hà Nội, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Hà Nội.	Cử nhân Kinh tế	Chuyên viên phòng tài chính kế toán Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam. Thành viên BKS VNI

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông xem xét, thông qua./.

Trân trọng,

Nơi nhận :
- ĐHĐ cổ đông
- HĐQT, BKS
- Lưu VT, TK HĐQT

TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Trần Thanh Hiền

QUY ĐỊNH

Thể lệ Bầu cử Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2013-2018
tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

Điều 1: Đối tượng thực hiện bầu cử

Cổ đông sở hữu cổ phần và đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết tham dự Đại hội theo Danh sách cổ đông chốt ngày 27/05/2013 của Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không.

Điều 2: Tiêu chuẩn, điều kiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Theo điều 112 Luật doanh nghiệp; Thông tư số 124/2012/TT-BTC ngày 30/07/2012, Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính và Điều lệ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không thông qua ngày 01/08/2012. (Công ty đã gửi Thông báo số 30 /TB-VNI-HĐQT của HĐQT VNI tới các cổ đông).

Điều 3: Đề cử ứng cử viên HĐQT, BKS và số thành viên được bầu

1. Đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS

Căn cứ theo Thông báo số 30 /TB-VNI-HĐQT của HĐQT VNI về việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2013-2018.

2. Số lượng thành viên HĐQT và Thành viên BKS được bầu

- Số lượng thành viên HĐQT được bầu là 07 thành viên. Trong đó, số thành viên HĐQT không điều hành hoặc thành viên HĐQT độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT.
- Số lượng thành viên BKS được bầu là 04 thành viên. Trong đó, có ít nhất một thành viên là kế toán hoặc kiểm toán viên.

Điều 4: Phiếu bầu, ghi phiếu bầu

- Danh sách ứng viên HĐQT và BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu;
- Phiếu bầu được in thống nhất, được đóng dấu của VNI, do Ban tổ chức phát cho các cổ đông có tổng số quyền biểu quyết theo mã số tham dự;
- Phiếu bầu cử của mỗi cổ đông ghi rõ tên cổ đông, mã số cổ đông, mã số dự họp, tổng số cổ phần mà cổ đông đó nắm giữ, tổng số phiếu biểu quyết và tên người trong danh sách đề cử hoặc ứng cử;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu HĐQT và phiếu bầu BKS theo mã số tham dự;
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;
- Cổ đông phải tự mình ghi số quyền biểu quyết bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu. Trong trường hợp uỷ quyền hợp lệ *(có giấy uỷ quyền)*, người được ủy quyền có đầy đủ quyền biểu quyết.

Điều 5: Thể thức bầu cử

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;
- Mỗi cổ đông có tổng số quyền biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
- Cổ đông có thể dồn hết tổng số quyền biểu quyết cho một hoặc một số ứng cử viên;
- Mỗi cổ đông tham dự Đại hội được quyền bầu dồn phiếu cho các ứng cử viên trong phạm vi tổng số phiếu biểu quyết của mình. Trường hợp cổ đông không dồn phiếu cho bất kỳ người nào trong danh sách ứng viên thì số phiếu biểu quyết của cổ đông sẽ được chia đều cho tất cả các ứng viên.

<u>Điều 6:</u> Phiếu bầu cử hợp lệ và không hợp lệ

a. Phiếu bầu hợp lệ
- Phải là phiếu do Ban tổ chức phát, không tẩy xóa nội dung;
- Phiếu bầu đủ số lượng thành viên HĐQT, Thành viên BKS thuộc danh sách đề cử và ứng cử được Đại hội thông qua;
- Tổng số phiếu biểu quyết nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu biểu quyết của mỗi cổ đông.
- Phiếu bầu để trống;
- Phiếu bầu có chữ ký của cổ đông/đại diện được uỷ quyền;

b. Phiếu bầu không hợp lệ
- Phiếu không phải do Ban tổ chức phát;
- Phiếu có tẩy, sửa chữa nội dung, hoặc gạch tên cử ứng viên;
- Bầu quá số lượng thành viên HĐQT, Thành viên BKS do Đại hội thông qua;
- Cổ đông không ghi rõ số phiếu biểu quyết mà ghi bằng phần trăm(%) số phiếu;
- Cổ đông ghi quá số lượng phiếu biểu quyết của mình sở hữu hoặc đại diện;
- Phiếu bầu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông được uỷ quyền.

<u>Điều 7:</u> Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

7.1 Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đại hội giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7.2 Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu:
- Thông qua Quy chế bầu cử;
- Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

Ban kiểm phiếu phải đảm bảo tính trung thực của việc bầu cử và kiểm phiếu phải đảm bảo bí mật; nếu sai phạm Ban kiểm phiếu phải chịu trách nhiệm. Sau khi kiểm phiếu, niêm phong các phiếu bầu cử giao cho Ban tổ chức đại hội.

7.3 Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu
- Ban Kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 8: Nguyên tắc trúng cử

- Các ứng viên chỉ trúng cử thành viên HĐQT, Thành viên BKS khi được số cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 65% trở lên trong tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội tín nhiệm bầu.
- Trường hợp có nhiều ứng viên đạt tỷ lệ từ 65% trở lên trong tổng số cổ phần của tất cả các cổ đông tham dự Đại hội tín nhiệm bầu thì thành viên trúng cử sẽ được lấy từ số phiếu cao xuống số phiếu thấp đến khi đủ số lượng.
- Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT (7 người), Ban kiểm soát (4người).
- Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng các ứng viên có số phiếu ngang nhau để chọn người có số phiếu cao hơn.
- Nếu kết quả bầu lần thứ nhất không chọn được hoặc không chọn đủ số lượng thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội có thể tiến hành bầu cử bổ sung lần thứ hai để lựa chọn hoặc chọn đủ số lượng. Trường hợp chưa chọn đủ số lượng thì khi bầu cử lần hai chỉ tiến hành bầu lại đối với các ứng viên chưa đạt ở lần một.
- Nếu sau hai lần bầu cử mà vẫn không chọn đủ số thành viên HĐQT và BKS theo yêu cầu thì Đại hội cổ đông có thể quyết định việc có bầu tiếp nữa hay không.

Điều 9: Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu;
- Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham dự họp; Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự họp (Theo phương thức bầu dồn phiếu); số và tỷ lệ phiếu hợp lệ; phiếu không hợp lệ; số và tỷ lệ phiếu biểu quyết cho từng ứng viên tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;
- Công bố biên bản kiểm phiếu trước đại hội.

Điều 10: Khiếu nại

Mọi khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ chỉ được xem xét ngay tại đại hội và do Chủ toạ Đại hội quyết định, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định. Các nội dung khác liên quan đến HĐQT và BKS sẽ được thực hiện theo Luật doanh nghiệp năm 2005 và Điều lệ Công ty thông qua ngày 01/08/2012.

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 8: Nguyên tắc trúng cử

- Các ứng viên chỉ trúng cử thành viên HĐQT, Thành viên BKS khi được số cổ đông sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 65% trở lên trong tổng số cổ phần của tất cả cổ đông tham dự Đại hội tín nhiệm bầu.
- Trường hợp có nhiều ứng viên đạt tỷ lệ từ 65% trở lên trong tổng số cổ phần của tất cả các cổ đông tham dự Đại hội tín nhiệm bầu thì thành viên trúng cử sẽ được lấy từ số phiếu cao xuống số phiếu thấp đến khi đủ số lượng.
- Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu cao nhất tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT (7 người), Ban kiểm soát (3 người).
- Trường hợp có những ứng cử viên đạt số phiếu bầu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng các ứng viên có số phiếu ngang nhau để chọn người có số phiếu cao hơn.
- Nếu kết quả bầu lần thứ nhất không chọn được hoặc không chọn đủ số lượng thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát thì Đại hội có thể tiến hành bầu cử bổ sung lần thứ hai để lựa chọn hoặc chọn đủ số lượng. Trường hợp chưa chọn đủ số lượng thì khi bầu cử lần hai chỉ tiến hành bầu lại đối với các ứng viên chưa đạt ở lần một.
- Nếu sau hai lần bầu cử mà vẫn không chọn đủ số thành viên HĐQT và BKS theo yêu cầu thì Đại hội cổ đông bất thường có thể quyết định việc có bầu tiếp nữa hay không.

Điều 9: Lập và công bố biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu;
- Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham dự họp; Tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu; tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông tham dự họp (Theo phương thức bầu dồn phiếu); số và tỷ lệ phiếu hợp lệ; phiếu không hợp lệ; số và tỷ lệ phiếu biểu quyết cho từng ứng viên tính trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;
- Công bố biên bản kiểm phiếu trước đại hội.

Điều 10: Khiếu nại

Mọi khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ chỉ được xem xét ngay tại đại hội và do Chủ toạ Đại hội quyết định, cổ đông không được phản đối tính hợp lệ này bất kỳ lúc nào khác. Trường hợp có bất đồng về thủ tục bầu cử hoặc kết quả bầu cử, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra lại và xin ý kiến Đại hội quyết định. Các nội dung khác liên quan đến HĐQT và BKS sẽ được thực hiện theo Luật doanh nghiệp năm 2005 và Điều lệ Công ty thông qua ngày 01/08/2012.

Điều 11: Quy chế này gồm có 11 điều, được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Trần Thanh Hiền

HƯỚNG DẪN BẦU DỒN PHIẾU

Giả sử Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 7 thành viên HĐQT. Cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (*bao gồm sở hữu và được ủy quyền*) 100.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số quyền biểu quyết của cổ đông Nguyễn Văn A là:

(100.000 x 7) = 700.000 quyền biểu quyết.

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dồn phiếu theo phương thức sau:

- **Phương thức 1:** Dồn hết 700.000 quyền biểu quyết của mình cho 01 ứng cử viên HĐQT.

- **Phương thức 2:** Chia 700.000 quyền biểu quyết của mình cho một số ứng cử viên thành viên HĐQT bằng cách chia nhỏ 700.000 quyền biểu quyết cho các ứng cử viên (nhưng tổng số quyền biểu quyết cho những ứng viên đó không vượt quá 700.000 quyền biểu quyết).

Phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A sẽ không hợp lệ trong các trường hợp sau:

- Phiếu không theo mẫu do Công ty quy định, không có dấu của Công ty.
- Tổng quyền biểu quyết cho những ứng cử viên đó của cổ đông Nguyễn Văn A vượt quá con số 700.000 quyền biểu quyết.
- Số ứng viên ông Nguyễn Văn A bỏ phiếu vượt quá 7 người.
- Phiếu bầu tẩy xoá hoặc ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử HĐQT đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Phiếu bầu cử không có chữ ký của cổ đông Nguyễn Văn A.

Việc bầu thành viên BKS cũng được thực hiện tương tự như bầu thành viên HĐQT.

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số 30 /TB-HĐQT	*Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2013*

THÔNG BÁO

Về việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không nhiệm kỳ 2013-2018

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật doanh nghiệp;

- Căn cứ Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm;

- Căn cứ vào Thông tư số 124/2012/TT-BTC ban hành ngày 30/07/2012 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm;

- Căn cứ vào Thông tư số 121/2012/TT-BTC ban hành ngày 26/07/2012 quy định về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng;

- Căn cứ vào Điều lệ VNI sửa đổi bổ sung đã được Đại Hội đồng Cổ đông thông qua ngày 01/08/2012;

Theo quy định của Điều lệ Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI) và các quy định của pháp luật, Hội đồng Quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông về việc bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2013-2018.

Hội đồng Quản trị xin trân trọng thông báo đến Quý cổ đông về tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục đề cử và tự ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát VNI nhiệm kỳ 2013-2018 như sau:

I. QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ/TỰ ỨNG CỬ CHỨC DANH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT)

1. **Số lượng**: 07 thành viên.
2. **Nhiệm kỳ**: 2013-2018
3. **Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên HĐQT**

Theo điều 23 – Thông tư 124/2012/TT-BTC ngày 30/07/2012 của Bộ Tài chính

3.1. Không thuộc các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

3.2. Không phải là người đã từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù nhưng chưa được xóa án tích hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật;

3.3. Chưa từng là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bảo hiểm đã bị phá sản (trừ trường hợp phá sản vì lý do bất khả kháng), chi nhánh nước ngoài đã bị mất khả năng thanh toán, hoặc là người quản lý điều hành của doanh nghiệp bảo

hiểm, chi nhánh nước ngoài bị thu hồi Giấy phép hoạt động do vi phạm trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm;

3.4. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

3.5. Trong ba (03) năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm là người quản trị, điều hành:

3.5.1. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với hình thức bị buộc bãi nhiệm chức danh quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính phê chuẩn hoặc buộc đình chỉ chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bổ nhiệm;

3.5.2. Không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ về khai thác, giám định, bồi thường, kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính và đầu tư, quản lý chương trình tái bảo hiểm trong doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hoặc quy trình nghiệp vụ môi giới bảo hiểm, kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

3.5.3. Tại thời điểm được bổ nhiệm là người quản trị, điều hành doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không trực tiếp liên quan đến vụ án đã bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật.

Theo điều 25 – Thông tư 124/2012/TT-BTC ngày 30/07/2012 của Bộ Tài chính

3.6. Có bằng đại học hoặc trên đại học;

3.7. Trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng tối thiểu ba (03) năm hoặc có kinh nghiệm quản lý điều hành từ cấp phòng (hoặc tương đương) trở lên thuộc trụ sở chính tối thiểu hai (02) năm tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng;

Theo điều 29 – Thông tư 124/2012/TT-BTC ngày 30/07/2012 của Bộ Tài chính

3.8. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp bảo hiểm không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực (bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, tái bảo hiểm hoặc môi giới bảo hiểm.

4. Quyền cổ đông đề cử hoặc tự ứng cử chức danh HĐQT

Theo khoản 3 - Điều 25 - Điều lệ VNI và Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

4.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

4.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

4.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

4.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.

4.5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên

4.6. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên

4.7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên

4.8. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

II. QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ/ TỰ ỨNG CỬ CHỨC DANH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (BKS)

1. **Số lượng**: 04 thành viên.
2. **Nhiệm kỳ**: 2013-2018
3. **Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên BKS**

Theo điều 122 – Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005

3.1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;

3.2. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

3.3. Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

Theo điều 24– Thông tư 124/2012/TT-BTC ngày 30/07/2012 của Bộ Tài chính

3.4. Không thuộc các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

3.5. Không phải là người đã từng bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù nhưng chưa được xóa án tích hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị phạt tù hoặc bị tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật;

3.6. Chưa từng là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bảo hiểm đã bị phá sản (trừ trường hợp phá sản vì lý do bất khả kháng), chi nhánh nước ngoài đã bị mất khả năng thanh toán, hoặc là người quản lý điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bị thu hồi Giấy phép hoạt động do vi phạm trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm;

3.7. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

3.8. Trong ba (03) năm liên tục trước thời điểm được bổ nhiệm là người quản trị, điều hành:

3.8.1. Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm với hình thức bị buộc bãi nhiệm chức danh quản trị, điều hành đã được Bộ Tài chính phê chuẩn hoặc buộc đình chỉ chức danh đã được doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài bổ nhiệm;

3.8.2. Không bị xử lý kỷ luật dưới hình thức sa thải do vi phạm quy trình nội bộ về khai thác, giám định, bồi thường, kiểm soát nội bộ, quản lý tài chính và đầu tư, quản lý chương trình tái bảo hiểm trong doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài hoặc quy trình nghiệp vụ môi giới bảo hiểm, kiểm soát nội bộ, quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong doanh nghiệp môi giới bảo hiểm;

3.8.3. Tại thời điểm được bổ nhiệm là người quản trị, điều hành doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài không trực tiếp liên quan đến vụ án đã bị cơ quan có thẩm quyền khởi tố theo quy định của pháp luật

Theo điều 25 – Thông tư 124/2012/TT-BTC ngày 30/07/2012 của Bộ Tài chính

3.9. Có bằng đại học hoặc trên đại học;

3.10. Trực tiếp làm việc trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng tối thiểu ba (03) năm hoặc có kinh nghiệm quản lý điều hành từ cấp phòng (hoặc tương đương) trở lên thuộc trụ sở chính tối thiểu hai (02) năm tại doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm, tài chính, ngân hàng

4. Quyền cổ đông đề cử hoặc tự ứng cử chức danh BKS

Theo khoản 2 – Điều 35 – Điều lệ VNI và Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

4.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;

4.2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;

4.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

4.4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;

4.5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

III. HỒ SƠ THAM GIA ỨNG CỬ / ĐỀ CỬ ĐỂ BẦU VÀO HĐQT VÀ BKS

1. Đơn xin ứng cử hoặc đề cử để bầu vào HĐQT và BKS (theo mẫu);
2. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai (theo mẫu);
3. Bản sao chứng thực CMND và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn.

IV. THỜI GIAN GỬI HỒ SƠ

Thời điểm chốt danh sách các hồ sơ tự ứng/ đề cử vào HĐQT và BKS chậm nhất lúc 17h30, ngày 24/06/2013, tại địa chỉ sau:

Ban Thư ký Tổng hợp - Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI)
Tầng 15 – Toà nhà Geleximco - 36 Hoàng Cầu - Quận Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (84-4) 6276 5555 Fax: (84-8) 39 555 282
Ngoài phong bì hồ sơ cần ghi rõ "Hồ sơ ứng cử/đề cử vào HĐQT, BKS"

(Nếu fax thì phải nộp lại bản gốc khi đăng ký tham dự trước cuộc họp)

Hồ sơ đề cử/ tự ứng cử gửi về Công ty sau thời hạn trên sẽ không có giá trị.

Trân trọng thông báo./.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Trần Thanh Hiền